

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM (VOSCO)**

*(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0203003815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố  
Hải Phòng cấp ngày 01/01/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/04/2009)*

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN**  
**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

(Quyết định niêm yết số ...../QĐ-SGDHCM  
do Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh cấp ngày .....tháng ..... năm 2010)

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ CÁC TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI :**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM (VOSCO)**

Điện thoại: (84-31) 3731 090 Fax: (84-31) 3731 007  
Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, Đằng Giang, Ngô Quyền, Hải Phòng  
Website : [www.vosco.vn](http://www.vosco.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT (BVSC)**

Điện thoại: (84-4) 3928 8080 Fax: (84-4) 3928 9888  
Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Website : [www.bvsc.com.vn](http://www.bvsc.com.vn)

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

Điện thoại: (84-8) 39146 8888 Fax: (84-8) 3914 7999  
Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, quận 1, TP.HCM

**PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

Họ và tên: Đào Văn Long Chức vụ: Phó trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư  
Điện thoại: (84- 31) 3731033 Fax: (84-31) 3731007  
Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, Đằng Giang, Ngô Quyền, Hải Phòng

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

*(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0203003815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố  
Hải Phòng cấp ngày 01/01/2008, thay đổi lần thứ 06 ngày 22/04/2009)*

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU  
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH**

|                                |                                                          |
|--------------------------------|----------------------------------------------------------|
| <b>Tên cổ phiếu:</b>           | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM<br/>(VOSCO)</b> |
| <b>Loại cổ phiếu:</b>          | <b>CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>                                |
| <b>Mệnh giá:</b>               | <b>10.000 đồng</b>                                       |
| <b>Tổng số lượng niêm yết:</b> | <b>140.000.000 cổ phần</b>                               |
| <b>Tổng giá trị niêm yết:</b>  | <b>1.400.000.000.000 đồng</b>                            |

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)**

|                    |                                                                      |                              |
|--------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| <b>Địa chỉ:</b>    | 229 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh                         |                              |
| <b>Điện thoại:</b> | (84-8) 38272 295                                                     | <b>Fax:</b> (84-8) 38272 300 |
| <b>Website:</b>    | <a href="http://www.auditconsult.com.vn">www.auditconsult.com.vn</a> |                              |

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT (BVSC)**

|                    |                                                      |                              |
|--------------------|------------------------------------------------------|------------------------------|
| <b>Địa chỉ:</b>    | Số 8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.             |                              |
| <b>Điện thoại:</b> | (84-4) 3928 8080                                     | <b>Fax:</b> (84-4) 3928 9888 |
| <b>Chi nhánh:</b>  | Số 6 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.          |                              |
| <b>Điện thoại:</b> | (84-8) 3914 6888                                     | <b>Fax:</b> (84-8) 3914 7999 |
| <b>Website :</b>   | <a href="http://www.bvsc.com.vn">www.bvsc.com.vn</a> |                              |

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                                                              |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>                                                                                                                                                                           | <b>1</b>  |
| 1. Rủi ro về kinh tế .....                                                                                                                                                                                   | 1         |
| 2. Rủi ro về pháp luật .....                                                                                                                                                                                 | 1         |
| 3. Rủi ro tài chính .....                                                                                                                                                                                    | 2         |
| 4. Rủi ro biến động giá .....                                                                                                                                                                                | 2         |
| 5. Rủi ro khác .....                                                                                                                                                                                         | 4         |
| 6. Rủi ro cổ phần hóa.....                                                                                                                                                                                   | 4         |
| <b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....</b>                                                                                                                            | <b>5</b>  |
| 1. Tổ chức niêm yết .....                                                                                                                                                                                    | 5         |
| 2. Tổ chức tư vấn .....                                                                                                                                                                                      | 5         |
| <b>III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ VIẾT TẮT .....</b>                                                                                                                                                                  | <b>5</b>  |
| <b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....</b>                                                                                                                                                   | <b>7</b>  |
| 1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam .....                                                                                                                                                 | 7         |
| 2. Các thông tin cơ bản về Công ty .....                                                                                                                                                                     | 9         |
| 3. Các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty .....                                                                                                                                                            | 10        |
| 4. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam .....                                                                                                                                            | 12        |
| 5. Danh sách Công ty mẹ và các Công ty con của VOSCO, những công ty mà VOSCO đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VOSCO. .... | 23        |
| 6. Hoạt động kinh doanh .....                                                                                                                                                                                | 23        |
| 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất.....                                                                                                                                          | 36        |
| 8. Vị thế của Công ty và triển vọng ngành.....                                                                                                                                                               | 42        |
| 9. Chính sách đối với người lao động .....                                                                                                                                                                   | 45        |
| 10. Chính sách cổ tức .....                                                                                                                                                                                  | 46        |
| 11. Tình hình hoạt động tài chính .....                                                                                                                                                                      | 47        |
| 12. Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng .....                                                                                                                                    | 53        |
| 13. Tài sản .....                                                                                                                                                                                            | 72        |
| 14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 – 2012 .....                                                                                                                                                 | 73        |
| 15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....                                                                                                                                        | 75        |
| 16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết .....                                                                                                                               | 75        |
| 17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu niêm yết .....                                                                                                | 75        |
| <b>V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....</b>                                                                                                                                                                         | <b>75</b> |
| <b>VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT .....</b>                                                                                                                                                     | <b>80</b> |
| <b>VI. PHỤ LỤC.....</b>                                                                                                                                                                                      | <b>80</b> |

## **I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

### **1. Rủi ro về kinh tế**

Tốc độ phát triển kinh tế là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của nhiều ngành nghề khác nhau, trong đó bao gồm lĩnh vực kinh doanh vận tải đường biển của Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO).

Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) từ đầu năm 2007, nền kinh tế Việt Nam đã bước đầu hội nhập với nền kinh tế thế giới và sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của nền kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên năm 2008, thế giới ghi nhận cuộc khủng hoảng trên toàn cầu về tài chính, ngân hàng, nhà đất và năng lượng, và việc ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới khiến cho nền kinh tế Việt Nam cũng bị ảnh hưởng đáng kể. Không nằm ngoài sự tác động mạnh mẽ của cuộc suy thoái kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh của Vosco cũng bắt đầu bị ảnh hưởng nặng nề vào cuối năm 2008 do hoạt động xuất nhập khẩu giảm mạnh khiến cho giá cước vận tải biển sụt giảm tới mức kỉ lục.

Tuy nhiên, với tiềm lực nội tại của nền kinh tế cũng như những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam nhằm khắc phục những ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu như: kiểm soát lạm phát, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, thúc đẩy xuất khẩu và các chính sách kích cầu v.v... nên nền kinh tế Việt Nam trong năm 2009 đã có những khởi sắc và chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Theo báo cáo của Tổng Cục Thống kê tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2009 đạt 5,32%, vượt mục tiêu tăng 5% của kế hoạch.

Cùng với sự phục hồi của nền kinh tế, hoạt động của các doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh vận tải biển nói chung và VOSCO nói riêng từ chỗ rất khó khăn trong 6 tháng đầu năm 2009 đã từng bước được phục hồi và tiếp tục đà phát triển.

### **2. Rủi ro về pháp luật**

Các hoạt động kinh doanh của VOSCO chịu sự điều chỉnh Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan, đặc biệt là các quy định liên quan đến lĩnh vực kinh doanh vận tải biển. Ngoài ra, khi đã trở thành công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, hoạt động của Công ty sẽ phải tuân thủ theo Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hiện nay, hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, vì thế các luật và văn bản dưới luật trên có thể sẽ còn được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, những sự thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng đến kế

hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định của Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

Ngoài ra Vận tải biển là ngành kinh tế liên quan đến môi trường luật pháp của nhiều quốc gia và các tổ chức trên thế giới. Ở Việt Nam, luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

### **3. Rủi ro tài chính**

Đặc điểm chung của các doanh nghiệp vận tải biển là có cơ cấu nợ trên vốn chủ sở hữu cao do việc đóng mới tàu đòi hỏi lượng vốn lớn. Vì vậy, các biến động trên thị trường tài chính như lãi suất, tỷ giá hối đoái có thể sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành. Ngoài ra, đặc thù ngành kinh doanh vận tải biển phải đầu tư vào các tài sản cố định có giá trị đầu tư lớn như phát triển đội tàu hay xây dựng kho, cảng container, do đó phát sinh nhu cầu vay vốn dài hạn để tài trợ cho các dự án. Việc dùng cho vay của các tổ chức tín dụng trong một số thời điểm như vừa qua do chính sách thắt chặt cung tiền có tác động rất lớn đến kế hoạch đầu tư phát triển của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và của VOSCO nói riêng.

Nhằm hạn chế những rủi ro này, VOSCO thường xuyên tổ chức, thực hiện nghiên cứu marketing toàn diện, thường xuyên cập nhật thông tin trong hệ thống và điều tra một cách cẩn trọng các xu hướng trong các phân đoạn thị trường. Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa hoạt động theo khu vực địa lý và đa dạng hóa danh mục đầu tư nhưng vẫn đảm bảo chiến lược phát triển tập trung luôn được VOSCO chú trọng, đồng thời hướng tới việc sử dụng các công cụ phái sinh nhằm đề phòng và hạn chế một số rủi ro về tỷ giá, lãi suất trong hoạt động đầu tư tài chính.

### **4. Rủi ro biến động giá**

- **Tác động của biến động giá cả:**

Chi phí cho hoạt động vận tải biển phụ thuộc khá lớn vào giá nhiên liệu. Do đặc thù vận tải trên tuyến quốc tế nên phần lớn lượng nhiên liệu tiêu thụ của VOSCO là mua tại nước ngoài (khoảng 80%). Trong giai đoạn gần đây, giá dầu trên thế giới luôn biến động theo chiều hướng tăng do những biến động về kinh tế chính trị tại Trung Đông, nơi tập trung các nước xuất khẩu dầu mỏ chủ yếu. Những biến động đó làm ảnh hưởng không tốt tới hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành. Để hạn chế những tác động của sự biến động này, Vosco nghiên cứu kỹ và theo dõi sát sao giá cả tại những khu vực tàu công ty thường xuyên hoạt động và chủ động cấp nhiên liệu tại những địa điểm hợp lý, phù hợp với lịch trình của tàu.

- **Rủi ro từ tác động của thị trường vận tải quốc tế.**

Kinh doanh vận tải biển là một ngành nhạy cảm với sự biến động của nền kinh tế thế giới. Phần lớn đội tàu VOSCO hoạt động trên các tuyến quốc tế nên chịu ảnh hưởng trực tiếp của nhu cầu vận chuyển hàng hóa tại khu vực và trên thế giới. Chẳng hạn, năm 2009 là năm hết sức khó khăn của ngành vận tải biển do chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Sự sụt giảm nghiêm trọng của nhu cầu vận tải trên toàn thế giới dẫn đến cước vận tải ở mức thấp kéo dài trong đó có những thời điểm cước trên hầu hết các tuyến quốc tế của tàu hàng rời và tàu dầu sản phẩm xuống thấp kỷ lục. Sự suy giảm của thị trường vận tải quốc tế đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh không chỉ của VOSCO mà còn ảnh hưởng đến hầu hết các công ty vận tải biển nói chung.

- **Rủi ro về biến động tỷ giá**

Trong hoạt động vận tải của Vosco thì doanh thu chở thuê cho các chủ hàng nước ngoài thu bằng ngoại tệ chiếm 90%, còn lại 10% chở thuê trong nước

Đội tàu của Công ty chạy tuyến quốc tế là chủ yếu nên việc chi tiêu phần lớn chi bằng ngoại tệ. Như vậy vấn đề về chênh lệch tỷ giá trong việc thu chi của Vosco không bị ảnh hưởng nhiều.

Tuy nhiên rủi ro về tỷ giá vẫn ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bởi những lý do chủ yếu sau:

Để phát triển sản xuất, tăng doanh thu và tăng lợi nhuận VOSCO luôn phải đổi mới, trẻ hoá đội tàu, để làm được việc này Công ty phải đi vay các tổ chức tín dụng bằng USD để mua tàu của nước ngoài (thường dự án vay và trả nợ trong 10 năm).

Do chính sách điều hành vĩ mô của nền kinh tế và tính cẩn trọng trong bảo toàn vốn vay nên Nhà nước yêu cầu các doanh nghiệp đánh giá số dư tiền vay ngoại tệ dài hạn cuối năm tài chính theo tỷ giá mà NHNNVN qui định tại thời điểm đánh giá và hạch toán tất cả vào năm đó. Việc này vô hình chung đã làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có vốn vay bằng ngoại tệ. Mặc dù Nhà nước cho phép các doanh nghiệp có vốn vay bằng ngoại tệ được phân bổ chênh lệch tỷ giá tối đa 5 năm để tránh biến động đột biến của chênh lệch tỷ giá trong giá thành. Tuy nhiên vẫn ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty vì thời gian cho phép phân bổ luôn ngắn hơn nhiều so với thời gian vay của dự án.

## **5. Rủi ro khác**

Các rủi ro bất khả kháng có thể xảy ra như hỏa hoạn, thiên tai, chiến tranh, xung đột cục bộ v.v. Nếu như các rủi ro này xảy ra có thể sẽ gây ra những thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

Ngoài ra, đối với ngành vận tải biển, các doanh nghiệp phải đối mặt với những rủi ro đặc thù như thời tiết, môi trường, nạn cướp biển, khủng bố, các rủi ro khi thay đổi các chính sách của công ước quốc tế về an toàn môi trường, bảo vệ sinh mạng trên biển. Để hạn chế những rủi ro này Vosco đã thực hiện mua bảo hiểm cho tàu, hướng dẫn tàu hành trình theo những hành lang an toàn được bảo vệ bởi các lực lượng chức năng.

## **6. Rủi ro cổ phần hóa.**

Chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 1/1/2008 tuy nhiên đến thời điểm hiện tại Vosco vẫn chưa thực hiện bàn giao vốn nhà nước từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần. Khi có quyết định chính thức việc bàn giao vốn từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần có thể sẽ phát sinh các khoản nợ phải trả do phải xác định lại giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần. Nguyên nhân khiến việc bàn giao chưa thực hiện được là do việc phân chia quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2005 theo hướng dẫn của Thông tư 11/2007/TT-BTC ngày 8/2/2007 của Bộ tài chính và Công văn số 12859/BTC-TCĐN ngày 25/9/2007 về việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi đối với những công ty nhà nước đang chuyển đổi sở hữu. Vấn đề này đang được Tổng công ty Hàng hải Việt Nam xin ý kiến Bộ tài chính và Bộ giao thông vận tải (Bộ Giao thông Vận tải ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam quyết toán chi phí cổ phần hóa và công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu theo Công văn số 3967/BGTVT-TC ngày 16 tháng 6 năm 2009). Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin ngay khi nhận được ý kiến chính thức từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức niêm yết

|                                |                                     |
|--------------------------------|-------------------------------------|
| Ông <b>Vũ Hữu Chinh</b>        | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Ông <b>Bùi Việt Hoài</b>       | Chức vụ: Tổng Giám đốc              |
| Bà <b>Nguyễn Thị Ánh Tuyết</b> | Chức vụ: Kế toán trưởng             |
| Ông <b>Châu Quang Khải</b>     | Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát       |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn.

Đại diện theo pháp luật: Ông **NHỮ ĐÌNH HÒA**.

Chức vụ: Tổng Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt..

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn số 175/2009/BVSC-VOSCO/PTV-TVNY ký ngày 12/10/2009 với Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam cung cấp.

## III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ VIẾT TẮT

Trong Bản Cáo Bạch này, trừ trường hợp ngữ cảnh và nội dung thể hiện khác đi, các khái niệm và từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

|                  |   |                                                |
|------------------|---|------------------------------------------------|
| Công ty          | : | Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam          |
| VOSCO            | : | Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam          |
| Tổ chức niêm yết | : | Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam          |
| CTCP             | : | Công ty cổ phần                                |
| TNHH             | : | Trách nhiệm hữu hạn                            |
| Cổ phiếu         | : | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam |

|         |   |                                                               |
|---------|---|---------------------------------------------------------------|
| Điều lệ | : | Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam                 |
| ĐHĐCĐ   | : | Đại hội đồng cổ đông                                          |
| HĐQT    | : | Hội đồng quản trị                                             |
| BKS     | : | Ban kiểm soát                                                 |
| BĐH     | : | Ban điều hành                                                 |
| CBCNV   | : | Cán bộ công nhân viên                                         |
| UBCKNN  | : | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước                                   |
| SGDCK   | : | Sở Giao dịch Chứng khoán                                      |
| TSCĐ    | : | Tài sản cố định                                               |
| XHCN    | : | Xã hội chủ nghĩa                                              |
| DWT     | : | Đơn vị tính trọng tải (sức chở) của tàu tương đương 01 tấn    |
| TEU     | : | Đơn vị đo lường về dung tích tương đương 01 container 20 feet |
| COA     | : | Hợp đồng vận chuyển hàng hóa với khối lượng lớn               |

## **IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

### **1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam**

#### **1.1. Lịch sử hình thành và phát triển**

Công ty Vận tải biển Việt Nam, tiền thân của Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam được thành lập ngày 1/7/1970 theo Quyết định của Bộ Giao thông Vận tải trên cơ sở hợp nhất ba đội tàu Giải Phóng, Tự Lực, Quyết Thắng và một Xưởng vật tư. Đến tháng 3 năm 1975, Bộ Giao thông Vận tải quyết định tách một bộ phận lớn phương tiện và lao động của Công ty để thành lập Công ty Vận tải Ven biển (Vietcoship là Vinaship sau này) với nhiệm vụ chủ yếu là tổ chức vận tải trên các tuyến trong nước. Cũng từ đây Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO – trực thuộc Cục Đường biển, nay là Cục Hàng hải Việt Nam) chỉ còn tập trung làm một nhiệm vụ là tổ chức vận tải nước ngoài, phục vụ xuất nhập khẩu và nhanh chóng xây dựng đội tàu vận tải biển xa.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ 6 Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1986, cả nước bắt đầu thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện về quản lý kinh tế, xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế thị trường theo định hướng XHCN.

Thực hiện chủ trương này, Bộ Giao thông Vận tải cũng thực hiện đổi mới với việc cắt giảm biên chế khối hành chính sự nghiệp, chuyển chức năng quản lý kinh tế kỹ thuật trực tiếp xuống các doanh nghiệp và thành lập các doanh nghiệp mới. Cũng trong thời kỳ này Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) được thành lập lại theo Quyết định số 29/TTG ngày 26/10/1993 của Thủ tướng Chính phủ và trở thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (VINALINES) theo Quyết định số 250/TTG ngày 29/04/1994 của Thủ tướng Chính phủ.

Sau 37 năm hoạt động theo mô hình Công ty 100% vốn nhà nước, ngày 11/7/2007, thực hiện Quyết định số 2138/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, Công ty Vận tải biển Việt Nam đã tổ chức chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần. Đến ngày 01/01/2008, Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam đã chính thức đi vào hoạt động theo mô hình mới với tên gọi Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam, tên tiếng Anh là Vietnam Ocean Shipping Joint Stock Company (VOSCO) với số vốn điều lệ 1.400 tỷ đồng, trong đó 60% vốn do Nhà nước sở hữu, còn lại là phần vốn của các cổ đông tổ chức và thể nhân khác với tổng số hơn 3.500 cổ đông.

## 1.2. Một số giải thưởng tiêu biểu đã đạt được

Bốn mươi năm (1970 – 2010) là chặng đường lịch sử về sự trưởng thành trong xây dựng và phát triển của Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam. Công ty luôn giữ vững và phát huy truyền thống “Dũng cảm, kiên cường, thông minh, sáng tạo” của chiến sĩ giao thông vận tải. Trong những năm chiến tranh ác liệt, cán bộ sỹ quan, thuyền viên, công nhân viên của công ty đã không ngại hy sinh gian khổ vượt lên bom đạn thủy lôi, bả mìn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ vận tải chi viện miền Nam và các tỉnh Khu 4. Từ năm 1975 đến nay, Công ty lại hăng hái đi đầu trong sự nghiệp khôi phục và phát triển kinh tế đất nước, luôn là lá cờ đầu trong ngành giao thông vận tải.

Với những đóng góp to lớn như trên, Công ty đã được Nhà nước trao tặng nhiều danh hiệu cao quý: Huân chương độc lập hạng ba năm 1999; huân chương chiến công hạng ba năm 1999; huân chương lao động hạng nhất, nhì, ba; liên tục trong các năm 2005, 2007, 2008, 2009 được tặng cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ. Các năm 2001, 2002, 2004, 2006 Công ty được tặng cờ thi đua xuất sắc của Bộ Giao thông vận tải. Năm 2008 được bình chọn là 1 trong 10 doanh nghiệp tiêu biểu của thành phố Hải Phòng; năm 2009 được tặng cờ thi đua xuất sắc của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

### MỘT SỐ HUÂN HUY CHƯƠNG CÔNG TY ĐÃ NHẬN ĐƯỢC



Huân chương Độc lập



Huân chương Lao động

## 2. Các thông tin cơ bản về Công ty

- ❖ Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM
- ❖ Tên giao dịch đối ngoại: VIET NAM OCEAN SHIPPING JOINT STOCK COMPANY
- ❖ Tên giao dịch viết tắt: VOSCO
- ❖ Trụ sở chính: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
- ❖ Điện thoại: (84-31) 3731 090
- ❖ Fax: (84-31) 3731 007
- ❖ Email: [pid@vosco.vn](mailto:pid@vosco.vn)
- ❖ Website: [www.vosco.vn](http://www.vosco.vn)

- ❖ Logo



- ❖ Giấy CNĐKKD: Số 0203003815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01/01/2008, thay đổi lần 6 ngày 22/04/2009.
- ❖ Vốn điều lệ đăng ký: 1.400.000.000.000 đồng (Một ngàn bốn trăm tỷ đồng).

### HÌNH ẢNH TRỤ SỞ CHÍNH CỦA CÔNG TY



### **3. Các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty**

- Kinh doanh vận tải biển;
- + Vận tải hàng khô
- + Vận tải dầu sản phẩm
- + Vận tải container
- Đại lý tàu biển;
- Đại lý vận tải đa phương thức;
- Huấn luyện và đào tạo thuyền viên;
- Cung ứng và xuất khẩu thuyền viên;
- Đại lý sơn;
- Đại lý dầu nhờn và vòng bi;
- Sửa chữa tàu biển;
- Khai thác bãi container;
- Đại lý bán vé máy bay.

## HÌNH ẢNH MỘT SỐ TÀU CỦA CÔNG TY



**Tàu dầu SP Đại Nam trọng tải 47.102 DWT**



**Tàu hàng rời VOSCO STAR trọng tải 46.671 DWT**



**Tàu hàng rời Ocean Star T.Tải 18.336 DWT**



**Tàu dầu SP Đại Việt trọng tải 37.432 DWT**



**Tàu container Fortune Freighter 561 teu**

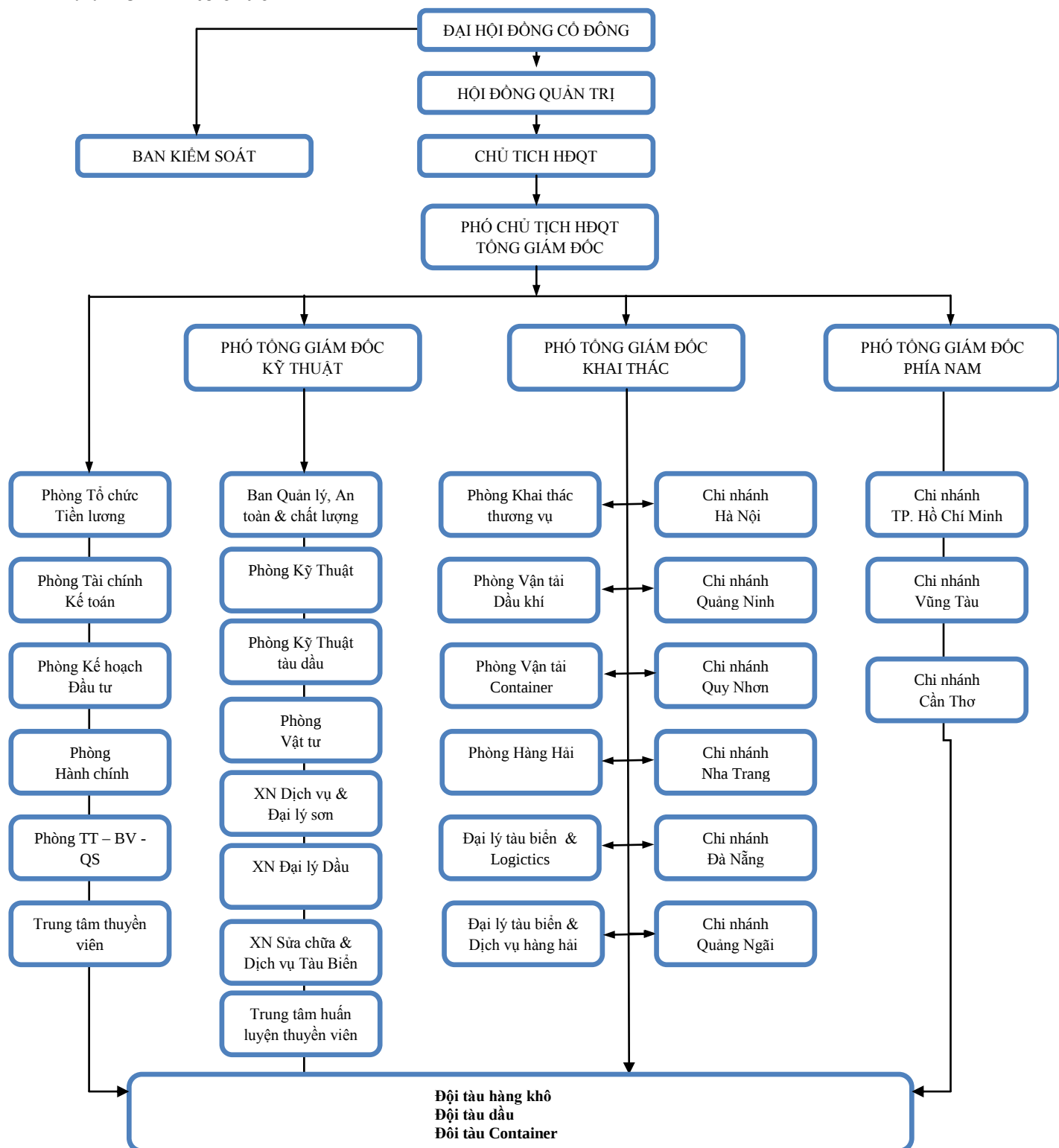


**Tàu hàng rời Vosco Sky trọng tải 52.523 DWT**

#### 4. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam

Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

##### 4.1. Mô hình tổ chức



## 4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Mô hình tổ chức và bộ máy quản lý đang được áp dụng tại Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, các phòng ban chức năng, các chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Mô hình này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ của Công ty. Mô hình tổ chức này xác định cơ cấu quản trị rõ ràng, áp dụng các chuẩn mực trong quản trị điều hành, xác định trách nhiệm và mối quan hệ của công ty mẹ và các công ty con, qua đó, việc quản trị doanh nghiệp sẽ vừa chặt chẽ, vừa đảm bảo hiệu quả cho doanh nghiệp, nhưng không mang tính mệnh lệnh hành chính.

### a. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất một lần. ĐHĐCD quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định như: Thông qua chiến lược phát triển, kế hoạch, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, các báo cáo tài chính hàng năm của công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của công ty v.v

### b. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) bao gồm Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT:

|                      |                   |
|----------------------|-------------------|
| Ông Vũ Hữu Chinh     | Chủ tịch HĐQT     |
| Ông Bùi Việt Hoài    | Phó Chủ tịch HĐQT |
| Ông Nguyễn Duy Nhì   | Thành viên HĐQT   |
| Ông Đặng Thanh Quang | Thành viên HĐQT   |
| Ông Lê Ngọc Minh     | Thành viên HĐQT   |
| Ông Trần Trọng Phúc  | Thành viên HĐQT   |

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty giữa hai kỳ đại hội cổ đông (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông). HĐQT của VOSCO hiện tại gồm 06 thành viên, có nhiệm kỳ 5 năm, thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

**c. Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam bao gồm Trưởng Ban và các thành viên Ban Kiểm soát:

|                      |            |
|----------------------|------------|
| Ông Châu Quang Khải  | Trưởng ban |
| Ông Đặng Hồng Trường | Thành viên |
| Ông Lê Anh Sơn       | Thành viên |

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt công tác quản trị và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty giữa hai kỳ đại hội cổ đông. Hiện Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành.

**d. Ban Điều hành**

Ban Điều hành của Công ty hiện nay bao gồm các thành viên sau:

|                      |                   |
|----------------------|-------------------|
| Ông Bùi Việt Hoài    | Tổng Giám đốc     |
| Ông Đặng Thanh Quang | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Ngọc Minh     | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Việt Tiến     | Phó Tổng Giám đốc |

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lãnh đạo, quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, quyết định các công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty

**e. Kế toán trưởng**

|                         |                |
|-------------------------|----------------|
| Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết | Kế toán trưởng |
|-------------------------|----------------|

**f. Các Phòng chuyên môn**

 **Phòng Khai thác Thương vụ:**

- Là phòng tham mưu cho Tổng Giám đốc quản lý khai thác đội tàu hàng khô, đảm bảo đội tàu này hoạt động một cách hiệu quả.
- Phòng Khai thác thương vụ xây dựng kế hoạch vận tải và doanh thu, trực tiếp đàm phán giao dịch, ký kết và triển khai thực hiện các hợp đồng vận tải nội địa và quốc tế cho đội tàu hàng khô.

 **Phòng Vận tải Dầu khí:**

- Là phòng tham mưu cho Tổng Giám đốc quản lý khai thác đội tàu dầu sản phẩm, đảm bảo đội tàu này hoạt động một cách hiệu quả.
- Phòng Vận tải dầu khí xây dựng kế hoạch vận tải và doanh thu, trực tiếp đàm phán giao dịch, ký kết và triển khai thực hiện các hợp đồng vận tải nội địa và quốc tế cho đội tàu dầu sản phẩm.

 **Phòng Vận tải Container:**

- Là phòng tham mưu cho Tổng Giám đốc quản lý khai thác hiệu quả đội tàu container.
- Phòng Vận tải Container xây dựng kế hoạch vận tải và doanh thu, trực tiếp đàm phán giao dịch, ký kết và triển khai thực hiện các hợp đồng vận tải container.
- Ngoài ra, phòng Vận tải Container cũng trực tiếp phụ trách các bộ phận khai thác container đặt tại các chi nhánh của công ty tại TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội....

 **Phòng Kỹ thuật:**

Phòng Kỹ thuật là phòng tham mưu cho Tổng Giám đốc về quản lý kỹ thuật, định mức nhiên liệu, phụ tùng vật tư của đội tàu hàng khô và tàu container. Phòng có trách nhiệm duy trì trạng thái kỹ thuật của đội tàu, đảm bảo các yêu cầu của Tổ chức Hàng hải quốc tế, các Công ước Quốc tế, các cơ quan phân cấp, luật quốc gia. Lập kế hoạch, tổ chức và giám sát việc sửa chữa, bảo dưỡng đăng kiểm, đảm bảo đội tàu hoạt động an toàn, đáp ứng yêu cầu khai thác của công ty và yêu cầu kiểm tra của các bên liên quan.

 **Phòng Kỹ thuật tàu dầu:**

Là phòng tham mưu cho Tổng Giám đốc về quản lý kỹ thuật, định mức nhiên liệu, phụ tùng vật tư của đội tàu dầu sản phẩm. Phòng phối hợp với các công ty quản lý tàu nước ngoài duy trì trạng thái kỹ thuật của đội tàu, đảm bảo các yêu cầu của Tổ chức Hàng hải quốc tế, các Công ước Quốc tế, các cơ quan phân cấp, luật quốc gia. Lập kế hoạch, tổ chức và giám sát việc sửa chữa, bảo dưỡng đăng kiểm, đảm bảo đội tàu hoạt động an toàn, đáp ứng yêu cầu khai thác của công ty và yêu cầu kiểm tra của các bên liên quan

 **Phòng Vật tư:**

Phòng Vật tư tham mưu cho Tổng Giám đốc về cung ứng, quản lý và sử dụng vật tư, nhiên liệu của toàn công ty. Phòng có trách nhiệm tìm hiểu thị trường, xây dựng kế hoạch mua sắm, cấp phát vật tư, phụ tùng, nhiên liệu cho đội tàu và văn phòng, đảm bảo dự trữ và sẵn sàng cung cấp đầy đủ, kịp thời các phụ tùng, vật tư, nhiên liệu, dầu nhớt thỏa mãn các tiêu chuẩn về kỹ thuật và đáp ứng được các yêu cầu khai thác. Phối hợp với các phòng Kỹ thuật theo dõi định mức tiêu hao nhiên liệu và quản lý, bảo dưỡng các phụ tùng, vật tư trong kho.

#### **Phòng Hàng hải**

Là phòng tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác pháp chế và an toàn hàng hải. Quản lý, theo dõi, hướng dẫn và thực hiện nghiệp vụ bảo hiểm đối với tàu biển, ô tô và thuyền viên. Là đội trưởng đội ứng cứu sự cố, chỉ đạo giải quyết các tranh chấp, tai nạn và sự cố hàng hải, bồi thường theo các loại hình bảo hiểm. Thu thập, nghiên cứu, lưu giữ, cấp phát các tài liệu về hàng hải.

#### **Ban Quản lý an toàn và chất lượng**

Ban Quản lý an toàn và chất lượng là ban tham mưu cho Tổng Giám đốc trong lĩnh vực quản lý an toàn, an ninh tàu; giám sát, đôn đốc việc thực hiện Hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng của Công ty trên cơ sở Bộ luật quản lý an toàn quốc tế, Bảo vệ môi trường biển, Bộ luật an ninh tàu, cảng biển và các lĩnh vực khác liên quan đến quản lý đội tàu; duy trì hệ thống quản lý an toàn và chất lượng đáp ứng yêu cầu khai thác của công ty và yêu cầu của thị trường.

#### **Phòng Tổ chức Tiền lương**

Là phòng tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương trong Công ty. Phòng Tổ chức Tiền lương thực hiện các công việc về tuyển dụng, bố trí, quản lý sử dụng lực lượng lao động, theo dõi hoạt động bộ máy tổ chức quản lý và sản xuất kinh doanh của công ty; tổ chức và lập kế hoạch đào tạo cho cán bộ nhân viên trên bờ, theo dõi và cân đối về lao động và tiền lương toàn công ty. Xây dựng sửa đổi các quy chế liên quan đến quản lý lao động, chi trả lương và các chế độ khác theo quy định của Bộ luật Lao động, quy định của Công ty.

#### **Phòng Tài chính kế toán**

Là phòng tham mưu cho Tổng giám đốc về quản lý hoạt động tài chính, hạch toán kế toán trong toàn Công ty. Phòng Tài chính Kế toán có nhiệm vụ tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty về việc sử dụng các nguồn vốn, huy động vốn đạt hiệu quả kinh tế cao và kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách tài chính, việc quản lý sử dụng tài sản, vật tư tiền vốn; hạch toán các nghiệp vụ kế toán phát sinh và kết quả kinh doanh theo từng chức năng kinh doanh, từng đơn vị sản xuất cụ thể. Bên cạnh đó phòng còn theo dõi, đôn đốc các chi nhánh trực thuộc công ty về việc thực hiện chế độ chính sách tài chính của Nhà nước và quy chế quản lý tài chính của Công ty và tham gia, tổ chức kiểm tra việc thực hiện chế độ tài chính trong phạm vi toàn Công ty.

#### **Phòng Kế hoạch Đầu tư**

Là phòng tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác kế hoạch, đầu tư trong sản xuất kinh doanh; quan hệ kinh tế đối ngoại trong các hoạt động kinh doanh. Phòng Kế hoạch Đầu tư

nghiên cứu và thực hiện việc mua bán, đóng mới tàu; lập các kế hoạch sản xuất kinh doanh và tập hợp các số liệu báo cáo của các phòng, ban, chi nhánh của Công ty; làm báo cáo quản trị doanh nghiệp theo định kỳ tháng, quý, năm; phân tích, tổng hợp kịp thời, chính xác thực trạng của các đơn vị theo yêu cầu của Tổng giám đốc và phục vụ các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Phòng Kế hoạch Đầu tư là đầu mối của Công ty phối hợp với các tổ chức được Công ty uỷ quyền quản lý sổ cổ đông của Công ty và báo cáo theo yêu cầu của Ban Điều hành; giúp Tổng giám đốc trong khâu quan hệ công chúng, quan hệ với cổ đông, công bố thông tin, công tác marketing và giao dịch làm việc với các đối tác nước ngoài.

#### **Phòng Hành chính**

Là phòng tham mưu cho Tổng giám đốc về công việc quản lý hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin. Phòng có nhiệm vụ quản trị văn phòng Công ty, lập kế hoạch mua sắm hợp lý các trang thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm; quản lý đất đai, nhà cửa; lập kế hoạch và thực hiện xây dựng, sửa chữa văn phòng công ty và các chi nhánh. Ngoài ra, phòng còn quản lý và phục vụ đầy đủ cho yêu cầu làm việc hội họp, đi lại, lưu trú, đón tiếp khách; theo dõi, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, cấp phát thuốc cho các tàu đầy đủ đúng chế độ và tổ chức bữa ăn giữa ca cho cán bộ văn phòng trụ sở chính.

#### **Phòng Thanh tra - Bảo vệ - Quân sự**

Là phòng tham mưu giúp Tổng giám đốc trong công tác thanh tra nội bộ, bảo vệ, quân sự. Phòng có nhiệm vụ tiến hành thanh tra các vụ việc theo yêu cầu của Tổng giám đốc, lên phương án bảo vệ cơ quan, thường xuyên kiểm tra đôn đốc thực hiện đầy đủ mọi quy định về công tác bảo vệ cơ quan cũng như phương tiện của Công ty; tổ chức triển khai công tác bảo vệ an ninh trật tự, an toàn và phòng cháy chữa cháy. Ngoài ra, phòng còn tham mưu cho Tổng giám đốc công tác chỉ đạo chống cướp biển và khủng bố trên biển; tiếp và hướng dẫn người lao động trong Công ty thực hiện việc khiếu nại, tố cáo theo đúng luật định.

#### **g. Các công ty con của VOSCO, các công ty VOSCO chiếm cổ phần chi phối:**

Hiện nay Vosco chưa có Công ty con, chưa có các công ty mà VOSCO chiếm cổ phần chi phối. Tuy nhiên trong thời gian tới Công ty sẽ xúc tiến chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty mẹ - con đối với một số các đơn vị kinh doanh dịch vụ.

#### **h. Các công ty Vosco tham gia góp vốn và các công ty liên kết::**

- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam: Hiện tại Vosco đang sở hữu 7.090.945 cổ phần, tương đương 2,36% vốn điều lệ.

- Công ty cổ phần SSV (tại TP. Hồ Chí Minh): Hiện tại Vosco đang sở hữu 67.600 cổ phần, tương đương 40% vốn điều lệ.

#### **i. Chi nhánh**

Công ty có 16 đơn vị trực thuộc bao gồm 07 đơn vị thực hiện kinh doanh dịch vụ và 09 chi nhánh có trụ sở tại các địa phương trong nước.

#### **Các đơn vị kinh doanh dịch vụ:**

##### **1. Trung tâm Thuyền viên (VCC):**

Địa chỉ: 215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 84 – 31 – 3.829 301 Fax: 84 – 31 – 3.829 048

Email: [vcc@vosco.vn](mailto:vcc@vosco.vn)

Chức năng nhiệm vụ: Được Tổng giám đốc uỷ quyền quản lý, sử dụng, điều động sỹ quan thuyền viên làm việc trên các tàu của Công ty, cho thuê thuyền viên làm việc trong nước và ngoài nước

##### **2. Đại lý tàu biển và Logistics (VOSAL)**

Địa chỉ: 215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 84 – 31 – 3.731 441 Fax: 84 – 31 – 3.829 086

Email: [vosal@vosco.vn](mailto:vosal@vosco.vn)

Chức năng nhiệm vụ: Có chức năng kinh doanh chủ yếu là đại lý tàu, đại lý giao nhận bằng đường biển, đường bộ, đường sắt, đường hàng không; làm môi giới hàng hải và cung ứng tàu biển, dịch vụ kho bãi và bốc xếp hàng hoá;

##### **3. Xí nghiệp Dịch vụ và Đại lý sơn (VPA)**

Địa chỉ: 15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: 84 – 31 – 3.842 967 Fax: 84 – 31 – 3.823 464

Email: [dailyson@vosco.vn](mailto:dailyson@vosco.vn)

Chức năng nhiệm vụ: Có chức năng kinh doanh chủ yếu là đại lý bán sơn; giao nhận, vận chuyển sơn và hướng dẫn khách hàng sử dụng sơn;

##### **4. Xí nghiệp Đại lý dầu (LUBAGENT)**

Địa chỉ: 15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: 84 – 31 – 3.842 160 Fax: 84 – 31 – 3.842 370

Email: [dailydau@vosco.vn](mailto:dailydau@vosco.vn)

Chức năng nhiệm vụ: Có chức năng kinh doanh chủ yếu là làm đại lý dầu nhờn hàng hải, công nghiệp và Ô tô - xe máy; kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng, vòng bi;

**5. *Xí nghiệp Sửa chữa và Dịch vụ tàu biển (VORAS)***

Địa chỉ: 15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: 84 – 31 – 3.842 978

Fax: 84 – 31 – 3.842 671

Email: [voras@vosco.vn](mailto:voras@vosco.vn)

Chức năng nhiệm vụ: Có chức năng kinh doanh chủ yếu là tổ chức sửa chữa các phương tiện vận tải, container, xuất nhập khẩu phụ tùng, vật tư, thiết bị và các dịch vụ tàu biển; thực hiện gia công cơ khí, phục hồi các chi tiết, các bộ phận trên tàu nhằm tăng thu nhập giảm chi phí cho Công ty.

**6. *Đại lý tàu biển và dịch vụ Hàng hải***

Địa chỉ: số 9 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 84 8 3821 4676

Fax: 84 8 38223482

Email: [voscoasg@vosco.vn](mailto:voscoasg@vosco.vn)

Chức năng nhiệm vụ: Có chức năng kinh doanh chủ yếu là đại lý tàu, đại lý giao nhận bằng đường biển, đường bộ, đường sắt, đường hàng không; làm môi giới hàng hải và cung ứng tàu biển, dịch vụ kho bãi và bốc xếp hàng hoá;

**7. *Trung tâm huấn luyện thuyền viên (VMTC)***

Địa chỉ: 215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 84 – 31 – 3.3733118

Fax: 84 – 31 – 3.731007

Email: [vmtc@vosco.vn](mailto:vmtc@vosco.vn)

Chức năng nhiệm vụ: có chức năng huấn luyện thuyền viên và tổ chức các lớp huấn luyện khác khi Công ty có yêu cầu để nâng cao chất lượng lao động nói chung và chất lượng thuyền viên nói riêng; được cấp các loại chứng chỉ theo cấp phép của các cơ quan quản lý Nhà nước; được cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc nước ở ngoài theo uỷ quyền của Tổng giám đốc Công ty.

** Các chi nhánh có trụ sở tại các địa phương trong nước:**

Đây là các chi nhánh có chức năng là đại diện của Công ty tại địa phương, thay mặt cho công ty quan hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương, tham mưu giúp Tổng Giám đốc xây dựng mối quan hệ giữa Công ty với địa phương nơi có chi nhánh. Các chi nhánh này còn có chức

năng phục vụ cho hoạt động khai thác kinh doanh vận tải, đại lý và các dịch vụ sản xuất khác của Công ty.

**1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Hà Nội**

Địa chỉ: 22 Yết Kiêu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 84 – 4 – 38223450 Fax: 84 – 4 – 38220 532

Email: voscohn@vosco.vn

\* Đại lý bán vé máy bay tại Hà Nội:

Điện thoại: 84 – 4 – 39423557 Fax: 84 – 4 – 9.410 309

Email: phongve@vosco.vn

**2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quảng Ninh**

Địa chỉ: 53 Lê Thánh Tông, phường Hòn Gai, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

Điện thoại: 84 – 33 – 3825 375 Fax: 84 – 33 – 3828 285

Email: voscoqn@vosco.vn

**3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Đà Nẵng**

Địa chỉ: 255 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 84 – 51 – 3.871 526 Fax: 84 – 51 – 3.822 583

Email: voscodn@vosco.vn

**4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quy Nhơn**

Địa chỉ: 212 Đống Đa, phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 84 – 56 – 3827 545 Fax: 84 – 56 – 3827 544

Email: voscoquinhon@vosco.vn

**5. Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quảng Ngãi**

Địa chỉ: 295/36 đường Hùng Vương, TP. Quảng Ngãi

Tel: 84 56 3502673

Email: voscoqngai@vosco.vn

**6. Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Nha Trang**

Địa chỉ: 43A Bạch Đằng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 84 – 58 – 516 086/515399 Fax: 84 – 58 – 516 087

Email: voscont@vosco.vn

**7. Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại TPHCM**

Địa chỉ: 69 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 84 – 8 – 8.298 313 Fax: 84 – 8 – 8.211 495

Email: cnhcm@vosco.vn

#### **8. Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Vũng Tàu**

Địa chỉ: 110 Hạ Long, phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại: 84 – 64 – 3856 735

Fax: 84 – 64 – 3856 735

Email: vt.hcm@vosco.vn

#### **9. Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Cần Thơ**

Địa chỉ: 62/13 Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, Cần Thơ

Điện thoại: 84 – 710 – 821 827

Fax: 84 – 710 – 821 831

Email: voscocantho@vosco.vn

### **4.3. Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% số cổ phần của Công ty:**

#### **4.3.1 Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty**

| <b>STT</b> | <b>Cổ đông</b>                   | <b>Địa chỉ</b>                                                          | <b>Số lượng cổ phần</b> | <b>Giá trị<br/>(ngàn đồng)</b> | <b>Tỷ lệ sở hữu</b> |
|------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------|---------------------|
| 1          | Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam   | Địa chỉ: Số 1, phố Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội | 84.000.000              | 840.000.000                    | 60%                 |
| 2          | Tập đoàn Bảo Việt                | Số 8, Phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội         | 4.000.000               | 40.000.000                     | 2,86%               |
| 3          | Tổng Công ty Lương thực miền Nam | Số 42, Phố Chu Mạnh Trinh, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM                      | 2.900.000               | 29.000.000                     | 2,07%               |
|            | <b>Tổng Cộng</b>                 |                                                                         | <b>90.900.000</b>       | <b>909.000.000</b>             | <b>64,93%</b>       |

Nguồn: VOSCO

Căn cứ Giấy chứng nhận chứng nhận đăng ký kinh doanh số 02030038815 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01/01/2008 thay đổi lần thứ 6 ngày 22/4/2009 thì Các cổ phiếu của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng đến ngày 31/12/2010 theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11.

**4.3.2 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% số cổ phần của Công ty (tại thời điểm 19/07/2010):**

| STT | Cổ đông                                            | Địa chỉ                                                         | Số lượng cổ phần  | Giá trị (ngàn đồng) | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|---------------|
| 1   | Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.<br>Người đại diện: | Số 01, Phố Đào Duy Anh, Hà Nội                                  | 84.000.000        | 840.000.000         | 60%           |
| a   | Ông Vũ Hữu Chinh                                   | Số 40, Phố Lê Chân, Hải Phòng                                   | 22.400.000        | 224.000.000         | 16%           |
| b   | Ông Bùi Việt Hoài                                  | Số 11/44, Đường Lê Lai, Hải Phòng                               | 19.600.000        | 196.000.000         | 14%           |
| c   | Ông Nguyễn Duy Nhi                                 | P410 – A1, Thanh Xuân Bắc, Hà Nội                               | 14.000.000        | 140.000.000         | 10%           |
| d   | Ông Đặng Thanh Quang                               | B74 khu Anh Dũng 2, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, Hải Phòng | 14.000.000        | 140.000.000         | 10%           |
| e   | Ông Lê Ngọc Minh                                   | Số 108, Đường số 2, cư xá Đô Thành, P4, Q.3, TP.HCM             | 14.000.000        | 140.000.000         | 10%           |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                   |                                                                 | <b>84.000.000</b> | <b>840.000.000</b>  |               |

Nguồn: VOSCO

**4.3.3 Cơ cấu cổ đông của Công ty (tại thời điểm 19/07/2010)**

| Stt | Cổ đông             | Số lượng cổ đông | Số cổ phần         | Tỷ trọng (%)  |
|-----|---------------------|------------------|--------------------|---------------|
| 1   | <b>Trong nước</b>   | <b>3.353</b>     | <b>140.000.000</b> | <b>100%</b>   |
| -   | <i>Tổ chức</i>      | 39               | 118.446.625        | 84,6%         |
| -   | <i>Cá nhân</i>      | 3.314            | 21.553.375         | 15,4%         |
| 2   | <b>Nước ngoài</b>   | <b>0</b>         | <b>0</b>           | <b>0,00</b>   |
| -   | <i>Tổ chức</i>      | 0                | 0                  | 0,00          |
| -   | <i>Cá nhân</i>      | 0                | 0                  | 0,00          |
| 3   | <b>Cổ phiếu quỹ</b> | <b>0</b>         | <b>0</b>           | <b>0,00</b>   |
|     | <b>Tổng cộng</b>    | <b>3.353</b>     | <b>140.000.000</b> | <b>100,00</b> |

Nguồn: VOSCO

5. **Danh sách Công ty mẹ và các Công ty con của VOSCO, những công ty mà VOSCO đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VOSCO.**

 **Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VOSCO:**

Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam (chiếm 60% vốn Điều lệ của Công ty).

 **Danh sách công ty con của VOSCO, những công ty mà VOSCO đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:**

Hiện nay Vosco chưa có Công ty con, chưa có Công ty chiếm cổ phần chi phối. Tuy nhiên trong thời gian tới Công ty sẽ xúc tiến chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty mẹ - con đối với một số các đơn vị kinh doanh dịch vụ.

 **Danh sách các công ty Vosco tham gia góp vốn và các công ty liên kết**

- **Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam:**

+ Ngành nghề kinh doanh chính: tài chính, ngân hàng.

+ Địa chỉ trụ sở chính: 519 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

+ Website: [www.msb.com.vn](http://www.msb.com.vn)

Hiện tại Vosco đang sở hữu 7.090.945 cổ phần, tương đương 2,36% vốn điều lệ.

- **Công ty cổ phần SSV (tại TP. Hồ Chí Minh):**

+ Ngành nghề kinh doanh chính: bốc xếp hàng hóa cảng biển, dịch vụ đại lý, cung ứng tàu biển.

+ Địa chỉ trụ sở chính: Số 9 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận I, thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện tại Vosco đang sở hữu 67.600 cổ phần, tương đương 40% vốn điều lệ.

**6. Hoạt động kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bao gồm vận tải đường biển và các dịch vụ hàng hải khác như: Đại lý tàu biển, Đại lý vận tải đa phương thức, Huấn luyện - đào tạo, cung ứng xuất khẩu thuyền viên, Đại lý sơn, Đại lý dầu nhờn và vòng bi, Sửa chữa tàu biển, Khai thác bãi container, Đại lý bán vé máy bay... Tuy nhiên kinh doanh vận tải biển là hoạt động chính của công ty, chiếm tới khoảng 90% tổng doanh thu.

## **6.1. Tình hình kinh doanh theo từng lĩnh vực**

### **6.1.1 Vận tải hàng khô**

Vận tải hàng khô là sở trường của công ty. Ngay từ những ngày đầu thành lập, công ty đã rất chú ý đầu tư và tích lũy kinh nghiệm cho lĩnh vực này và đã thu được nhiều kết quả tốt đẹp, giúp công ty phát triển nhanh, bền vững, trở thành doanh nghiệp vận tải biển lớn nhất cả nước.

Công ty đã có mối quan hệ tốt và là bạn hàng truyền thống của những chủ hàng lớn như gạo, than, nông sản, xi măng, clinker, phân bón, vật tư sắt thép xuất nhập khẩu của Việt nam và thế giới, đặc biệt là các nước Đông Nam Á, Trung đông, châu Phi...

#### ***Đội tàu hàng khô của công ty chia làm ba nhóm chính:***

- Nhóm tàu cỡ nhỏ từ 4.500 DWT đến 7.300 DWT là những tàu có khả năng quay vòng nhanh, vào được các cảng có độ sâu hạn chế, chuyên hoạt động tuyến Đông Nam Á, Đông Bắc Á.
- Nhóm tàu cỡ vừa từ 10.000 DWT đến 17.000 DWT là những tàu có tầm hoạt động không hạn chế, rất năng động có thể đi tuyến gần và cả tuyến xa, linh hoạt theo cơ hội của thị trường. Nhóm tàu này của công ty hiện đang hoạt động chủ yếu ở thị trường Trung Đông, Châu Á với các mặt hàng như gạo bao, đường, nông sản phẩm, sắt thép, xi măng, clinker, phân bón... Nguồn hàng vận tải rất dồi dào, luôn có hàng hai chiều, tránh được hiện tượng chạy rỗng như các tàu cỡ lớn.
- Nhóm tàu cỡ lớn từ 18.000 DWT đến 52.000 DWT: Đây là những tàu có trọng tải lớn, thể hệ mới, chạy tuyến xa, có doanh thu cao, chuyên chở các loại hàng nông sản thực phẩm, quặng, sắt thép, nguyên vật liệu...hoạt động tuyến Châu Mỹ, Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc và các khu vực khác.

Thị trường cước vận tải biển hàng khô từ cuối năm 2008 đến đầu năm 2010 bị giảm sút do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Trước tình hình đó nhiều hãng tàu trên thế giới rơi vào khủng hoảng, phải neo tàu, thậm chí bán tàu nhưng công ty đã phát huy được kinh nghiệm của nhiều năm kinh doanh trong lĩnh vực này nên đội tàu hàng khô của công ty vẫn hoạt động đều, kể cả những thời điểm khó khăn nhất. Tuy doanh thu và hiệu quả không cao nhưng ý nghĩa lớn là duy trì được phương tiện, sĩ quan thuyền viên và giữ được mối quan hệ tốt với các bạn hàng truyền thống. Từ đầu năm 2010, kinh tế thế giới bắt đầu có dấu hiệu hồi phục, lượng hàng chuyên chở tăng cao, giá cước dần dần tăng trở lại. Hy vọng doanh thu và hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty sẽ tốt lên từ cuối năm 2010.

### 6.1.2 Vận tải dầu sản phẩm

Ngay từ những năm đầu giải phóng Miền Nam, công ty đã bắt đầu kinh doanh vận tải dầu sản phẩm với những tàu dầu cỡ lớn như Cửu Long I, Cửu Long II.

Phát huy lợi thế và những kinh nghiệm sẵn có, từ năm 1999, khi thị trường cước tàu dầu sản phẩm đột ngột tăng cao, công ty đã nhanh chóng phát triển nhanh loại hình vận tải này và đã thu được những kết quả rất khả quan. Đến nay, công ty đã có 5 tàu dầu cỡ lớn, trong đó có 3 chiếc thể hệ mới với tổng trọng tải gần 200.000 DWT. Công ty đã đào tạo bồi dưỡng được một đội ngũ sĩ quan thuyền viên và cán bộ quản lý khai thác tàu dầu đạt trình độ quốc tế là tài sản quý để công ty tiếp tục phát triển mảng kinh doanh có nhiều triển vọng này.

Tuy nhiên từ giữa năm 2009 đến nay, cũng do khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, lưu lượng dầu sản phẩm và giá cước suy giảm đã ảnh hưởng lớn đến doanh thu và hiệu quả của công ty.

Từ đầu năm 2010, thị trường cước vận tải dầu sản phẩm đang có nhiều dấu hiệu tốt trở lại, công ty đang củng cố loại hình kinh doanh này và sẽ phát triển thêm lĩnh vực vận tải dầu thô trong thời gian tới.

### 6.1.3 Vận tải Container

Hiện nay vận tải đường biển bằng container đang là xu hướng chủ yếu trên thế giới. Vì vậy, công ty rất chú ý phát triển mạng dịch vụ này.

Ngay từ năm 1978, Công ty đã có tàu Hậu Giang là loại tàu có thể chở kết hợp cả hàng container và sau đó là tàu Hậu Giang II. Sau một thời gian kinh doanh hiệu quả, loại tàu này không còn phù hợp với thị trường nên công ty đã bán đi và tập trung phát triển loại tàu khác có hiệu quả hơn.

Gần đây, thị trường cước vận tải container có nhiều triển vọng, công ty đã phát triển lại loại hình kinh doanh này. Cuối năm 2008, công ty đã mua hai tàu container loại 560 TEU là tàu Fortune Freighter và Fortune Navigator bước đầu tổ chức kinh doanh trong nước tuyến Hải Phòng – Quy Nhơn - Sài Gòn. Tuy bước đầu còn gặp khó khăn do giá cước thấp, độ sâu đầu Hải Phòng hạn chế, không phát huy được hết trọng tải nhưng quan trọng là công ty đã thiết lập được một mạng lưới khai thác loại hình dịch vụ này ở cả hai đầu Hải Phòng-Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh khác của công ty để phát triển nhanh loại hình vận tải này trong thời gian tới, mở ra khả năng liên doanh liên kết với những hãng vận tải lớn trên thế giới.

## 6.2. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận theo từng lĩnh vực

### a. Cơ cấu doanh thu theo từng lĩnh vực

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT              | Lĩnh vực hoạt động                 | Năm 2008         |              | Năm 2009         |              | 6T/2010          |              |
|------------------|------------------------------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
|                  |                                    | Giá trị          | Tỷ trọng (%) | Giá trị          | Tỷ trọng (%) | Giá trị          | Tỷ trọng (%) |
| <b>I</b>         | <b>Doanh thu hoạt động vận tải</b> | <b>2.745.450</b> | <b>97,5</b>  | <b>1.847.660</b> | <b>95,3</b>  | <b>1.250.717</b> | <b>95,8</b>  |
| 1                | Doanh thu tàu hàng khô             | 1.743.163        | 61,9         | 1.119.220        | 57,7         | 830.075          | 63,6         |
| 2                | Doanh thu tàu dầu                  | 977.741          | 34,7         | 582.927          | 30,1         | 323.766          | 24,8         |
| 3                | Doanh thu tàu container            | 24.546           | 0,9          | 145.513          | 7,5          | 96.876           | 7,4          |
| <b>II</b>        | <b>Doanh thu dịch vụ</b>           | <b>71.202</b>    | <b>2,5</b>   | <b>91.751</b>    | <b>4,7</b>   | <b>54.313</b>    | <b>4,2</b>   |
| <b>Tổng Cộng</b> |                                    | <b>2.816.652</b> | <b>100</b>   | <b>1.939.411</b> | <b>100</b>   | <b>1.305.030</b> | <b>100</b>   |

Vận tải hàng khô là hoạt động chủ lực của Công ty, chiếm khoảng 60% tổng doanh thu hoạt động vận tải và dịch vụ. Đội tàu chủ lực thứ hai của Công ty là đội tàu dầu sản phẩm, đóng góp khoảng 30% tổng doanh thu.

Đội tàu container gồm 2 chiếc vận tải chuyên tuyến nội địa Hải Phòng – TP Hồ Chí Minh – Hải Phòng được đưa vào khai thác từ cuối năm 2008 nên chỉ đóng góp 0,9% tổng doanh thu năm 2008. Sang năm 2009 và quý 2/2010 tỷ trọng này khoảng 7,5% .

Trong quý 2/2010 do tốc độ hồi phục của đội tàu hàng khô tốt hơn tốc độ hồi phục của đội tàu dầu sản phẩm và tàu container nên tỷ trọng doanh thu của đội tàu hàng khô tăng và chiếm tới 63,6% tổng doanh thu vận tải và dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ của Công ty bao gồm doanh thu về Đại lý tàu biển; Đại lý vận tải đa phương thức; Huấn luyện và đào tạo thuyền viên; Cung ứng và xuất khẩu thuyền viên; Đại lý sơn; Đại lý dầu nhớt và vòng bi; Sửa chữa tàu biển; Khai thác bãi Container; Đại lý bán vé máy bay. Tuy các hoạt động này chiếm tỷ trọng doanh thu không lớn nhưng góp phần hỗ trợ đắc lực cho hoạt động vận tải là hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

**b. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng lĩnh vực**

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Stt              | Lĩnh vực hoạt động                 | Năm 2008       |              | Năm 2009       |              | 6 tháng 2010   |              |
|------------------|------------------------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|----------------|--------------|
|                  |                                    | Giá trị        | Tỷ trọng (%) | Giá trị        | Tỷ trọng (%) | Giá trị        | Tỷ trọng (%) |
| I                | Lợi nhuận gộp từ hoạt động vận tải | 516.606        | 98,51        | 117.492        | 90,1         | 174.002        | 95,5         |
| II               | Lợi nhuận gộp từ hoạt động dịch vụ | 7.809          | 1,49         | 12.959         | 9,9          | 8.112          | 4,5          |
| <b>Tổng Cộng</b> |                                    | <b>524.415</b> | <b>100</b>   | <b>130.451</b> | <b>100</b>   | <b>182.114</b> | <b>100</b>   |

Nguồn: VOSCO

Tương tự như doanh thu, lợi nhuận của hoạt động vận tải cũng chiếm phần lớn trong tổng lợi nhuận gộp của Công ty (khoảng 95%). Tuy nhiên trong năm 2009 khi giá cước vận tải biển sụt giảm nặng nề do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính dẫn đến suy thoái kinh tế toàn cầu khiến cho lợi nhuận hoạt động vận tải sụt giảm thì các hoạt động dịch vụ đã đóng góp tới 10% tổng lợi nhuận gộp của Công ty.

**6.3. Nguyên vật liệu****6.3.1. Nguồn nguyên vật liệu và sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu**

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải và dịch vụ hàng hải do đó nguồn nguyên liệu chính cho hoạt động của Công ty là dầu nhiên liệu và dầu nhờn.

Do tính chất của hoạt động vận tải của Vosco là hoạt động chủ yếu trên thị trường vận tải quốc tế do đó nguồn nguyên vật liệu chủ yếu của Vosco được cung cấp bởi các nhà cung cấp nước ngoài (chiếm 80%) và đều là các nhà cung cấp lớn như Bridge Oil, Trans-tec, Cockett Marine Oil...(dầu nhiên liệu); Mobill, shell, Castrol, Chevron, Elf... (dầu nhờn), các hãng sản xuất phụ tùng và các nhà cung ứng uy tín (VLK Marine Corp, Sanwa Commercial Co (Nhật), Lee Ship Supply (Singapore), Powertech Engine Services (Anh),... Nguồn cung cấp nhiên vật liệu cho hoạt động vận tải của Vosco là tương đối ổn định.

Theo ước tính của Vosco chi phí nhiên liệu chiếm khoảng 40% tổng chi phí khai thác tàu. Phần lớn nhiên liệu của Vosco được mua tại các cảng nước ngoài, không chịu sự ảnh hưởng của chính sách nhập khẩu trong nước và thường thấp hơn nhiều so với giá trong nước. Tuy nhiên,

trong mấy năm trở lại đây sự biến động thất thường của giá xăng dầu thế giới làm cũng làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Vosco.

### **6.3.2. Ảnh hưởng của giá cả nguyên liệu tới doanh thu và lợi nhuận.**

Trong hoạt động vận tải chi phí xăng dầu là yếu tố chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí. Sự biến động của giá xăng dầu thường ảnh hưởng đáng kể đến tổng chi phí, theo đó ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

Trên thực tế, giá xăng dầu tăng mạnh trong vòng một năm trở lại đây, làm tăng chi phí và ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Vosco. Trong thời gian qua, giá cước vận tải cũng đã tăng, tuy nhiên mức tăng vẫn chưa tương ứng với mức độ tăng của chi phí nhiên liệu đầu vào.

Theo dự báo, trong tương lai nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu sẽ tăng, tất yếu sẽ kéo theo sự tăng giá của nhiên liệu và tác động đến tình hình hoạt động của Vosco. Nhằm hạn chế sự biến động bất thường của giá cả chi phí đầu vào, Công ty luôn theo dõi và cập nhật những biến động về giá cả của các loại nguyên liệu tại các khu vực, từ đó lựa chọn nhà cung cấp có chất lượng cao và giá cả phù hợp thông qua hình thức chào hàng cạnh tranh của ít nhất 03 nhà cung ứng.

### **6.4. Chi phí hoạt động**

Công ty thực hiện kiểm soát các chi phí bằng việc xây dựng các định mức chung cho toàn Công ty như: định mức tiêu hao nhiên liệu, quy định về sử dụng và trang bị phương tiện phòng hộ .v.v... Công ty cũng liên tục thực hiện các biện pháp cải tiến trong quản lý, tiết kiệm tối đa các chi phí tăng hiệu quả trong kinh doanh. Các biện pháp cải tiến của Công ty đã phát huy hiệu quả, thể hiện ở tỷ trọng chi phí bán hàng và chi phí quản lý giảm dần qua các năm. So với các Công ty khác trong ngành, chi phí sản xuất của Vosco ở mức trung bình.

Cơ cấu các khoản mục chi phí chủ yếu của Công ty trong các năm gần đây được thể hiện trong bảng sau:

Đơn vị: triệu đồng

| Stt              | Yếu tố chi phí               | Năm 2008         |                | Năm 2009         |                | 6 tháng năm 2010 |                |
|------------------|------------------------------|------------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
|                  |                              | Giá trị          | % Tổng chi phí | Giá trị          | % Tổng chi phí | Giá trị          | % Tổng chi phí |
| 1                | Giá vốn hàng bán             | 2.292.237        | 87,27          | 1.808.959        | 89,73          | 1.123.094        | 89             |
| 2                | Chi phí bán hàng             | 70.281           | 2,68           | 52.768           | 2,62           | 37.880           | 2,99           |
| 3                | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 59.962           | 2,28           | 46.061           | 2,28           | 23.178           | 1,83           |
| 4                | Chi phí hoạt động tài chính  | 197.459          | 7,52           | 104.352          | 5,18           | 81.497           | 6,43           |
| 5                | Chi phí khác                 | 6.640            | 0,25           | 3.973            | 0,20           | 1.592            | 0,13           |
| <b>Tổng cộng</b> |                              | <b>2.626.578</b> | <b>100</b>     | <b>2.016.114</b> | <b>100</b>     | <b>1.267.241</b> | <b>100</b>     |

## 6.5. Trình độ công nghệ

Là Công ty vận tải biển lớn nhất Việt Nam, đội tàu của VOSCO hiện tại bao gồm 30 chiếc với tổng trọng tải là 621.561 DWT bao gồm 23 tàu chở hàng khô, 02 tàu container và 05 tàu chở dầu sản phẩm. Tuổi tàu bình quân là 12,87 tuổi.

### DANH MỤC ĐỘI TÀU CỦA VOSCO

| STT                         | Tên tàu             | Quốc tịch | Năm đóng | Nơi đóng | Trọng tải (DWT) |
|-----------------------------|---------------------|-----------|----------|----------|-----------------|
| <b>ĐỘI TÀU HÀNG KHÔ</b>     |                     |           |          |          |                 |
| 1                           | <b>Cabot Orient</b> | VN        | 1984     | Nhật Bản | 4.485           |
| 2                           | <b>Sông Ngân</b>    | VN        | 1999     | Nhật Bản | 6.205           |
| 3                           | <b>Vĩnh Long</b>    | VN        | 1982     | Nhật Bản | 6.479           |
| 4                           | <b>Vĩnh Thuận</b>   | VN        | 2000     | Việt Nam | 6.500           |
| 5                           | <b>Vĩnh An</b>      | VN        | 2001     | Việt Nam | 6.500           |
| 6                           | <b>Vĩnh Hưng</b>    | VN        | 2002     | Việt Nam | 6.500           |
| 7                           | <b>Sông Tiền</b>    | VN        | 1984     | Nhật Bản | 6.502           |
| 8                           | <b>Tiên Yên</b>     | VN        | 1989     | Nhật Bản | 7.060           |
| 9                           | <b>Vĩnh Hòa</b>     | VN        | 1989     | Nhật Bản | 7.371           |
| 10                          | <b>Vĩnh Phước</b>   | VN        | 1988     | Nhật Bản | 12.300          |
| 11                          | <b>Lan Hạ</b>       | VN        | 2006     | Việt Nam | 13.316          |
| 12                          | <b>Ocean Star</b>   | VN        | 2000     | Hàn Quốc | 18.366          |
| 13                          | <b>Morning Star</b> | VN        | 1983     | Nhật Bản | 21.353          |
| 14                          | <b>Silver Star</b>  | VN        | 1995     | Nhật Bản | 21.967          |
| 15                          | <b>Vega Star</b>    | VN        | 1994     | Nhật Bản | 22.035          |
| 16                          | <b>Lucky Star</b>   | VN        | 2009     | Việt Nam | 22.777          |
| 17                          | <b>Blue Star *</b>  | VN        | 2010     | Việt Nam | 22.500          |
| 18                          | <b>Golden Star</b>  | VN        | 1983     | Nhật Bản | 23.790          |
| 19                          | <b>Polar Star</b>   | VN        | 1984     | Nhật Bản | 24.835          |
| 20                          | <b>Neptune Star</b> | VN        | 1996     | Nhật Bản | 25.398          |
| 21                          | <b>Diamond Star</b> | VN        | 1990     | Nhật Bản | 27.000          |
| 22                          | <b>Vosco Star</b>   | VN        | 1999     | Nhật Bản | 46.671          |
| 23                          | <b>Vosco Sky</b>    | VN        | 2001     | Nhật Bản | 52.523          |
| <b>ĐỘI TÀU DẦU SẢN PHẨM</b> |                     |           |          |          |                 |

|                          |                          |    |      |          |        |
|--------------------------|--------------------------|----|------|----------|--------|
| 24                       | <b>Đại Long</b>          | VN | 1988 | Nhật Bản | 29.996 |
| 25                       | <b>Đại Hùng</b>          | VN | 1988 | Nhật Bản | 29.997 |
| 26                       | <b>Đại Việt</b>          | VN | 2005 | Hàn Quốc | 37.432 |
| 27                       | <b>Đại Nam</b>           | VN | 2000 | Nhật Bản | 47.102 |
| 28                       | <b>Đại Minh</b>          | VN | 2004 | Nhật Bản | 47.148 |
| <b>ĐỘI TÀU CONTAINER</b> |                          |    |      |          |        |
| 29                       | <b>Fortune Navigator</b> | VN | 1998 | Nhật Bản | 8.515  |
| 30                       | <b>Fortune Freighter</b> | VN | 1997 | Nhật Bản | 8.937  |

\*Tàu hàng rời Blue Star trọng tải 22.500 DWT đóng mới tại Tổng công ty công nghiệp tàu thủy Bạch Đằng. Dự kiến nhận tàu tháng 6/2010.

Đối với lĩnh vực vận tải biển, trình độ công nghệ được thể hiện trên ba lĩnh vực chính. Đó là trang thiết bị kỹ thuật cho đội tàu, hệ thống quản lý và trình độ đội ngũ sĩ quan thuyền viên và cán bộ quản lý.

Là công ty vận tải biển lớn nhất cả nước, có bề dày truyền thống và đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quá trình quản lý khai thác tàu qua nhiều giai đoạn thăng trầm của nền kinh tế thế giới, công ty đã có một đội tàu lớn nhất Việt Nam với 30 chiếc, tuổi bình quân tương đối thấp, là những tàu phù hợp với yêu cầu của thị trường, tổng trọng tải trên 600.000 DWT. Tất cả tàu của công ty đều được phân cấp đăng kiểm bởi các hãng có uy tín trên thế giới, bảo đảm tính năng kỹ thuật tốt, trong kinh doanh bảo đảm an toàn con người, hàng hoá và môi trường biển, tuân thủ nghiêm ngặt các Công ước quốc tế.

Hệ thống quản lý của công ty được xây dựng trên cơ sở những yêu cầu của Bộ luật quản lý an toàn hàng hải quốc tế ISM code và Bộ luật An ninh tàu và cảng biển ISPS. Ngoài ra công ty tuân thủ nghiêm các Công ước trong hoạt động kinh doanh vận tải biển quốc tế, đặc biệt là bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm biển.

Trong sản xuất kinh doanh, công ty đề cao tính trung thực và tính tuân thủ của người lao động; đồng thời hết sức quan tâm đời sống vật chất và tinh thần của người lao động và là đòn bẩy sản xuất kinh doanh hiệu quả.

Công ty cam kết kiên trì theo đuổi và đi đầu thực hiện các Bộ luật quốc tế về hàng hải và coi đó là bí quyết để giữ uy tín của công ty đối với khách hàng và động lực phát triển bền vững trong những năm tới.

## **6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển dịch vụ mới**

Công ty luôn chú trọng nghiên cứu và phát triển thêm sản phẩm mới. Trong năm 2008, Công ty đã đầu tư mua 02 tàu container là tàu Fortune Navigator (560 TEU) và tàu Fortune Freighter (561 TEU) và khai trương mở tuyến vận tải container nội địa Hải Phòng – TP.Hồ Chí Minh – Hải Phòng từ tháng 12 năm 2008. Sau hơn một năm hoạt động, đến nay đội tàu container đang từng bước tạo được uy tín với khách hàng nhờ chất lượng dịch vụ cao, ổn định về thời gian và an toàn trong vận chuyển. Công ty cũng đã đầu tư trang bị đồng bộ 2400 TEU vỏ container mang logo và thương hiệu VOSCO để phục vụ cho hoạt động của đội tàu container. Công ty cũng đã đầu tư mua 40% cổ phần của Công ty cổ phần SSV để tham gia khai thác 02 bến phao trên khu vực Sông Sài Gòn nhằm tăng tính chủ động, giảm thời gian chờ cầu khi tàu Công ty xếp dỡ hàng tại Sài Gòn.

Trong năm 2009, hoạt động vận tải sụt giảm, nguồn vốn giải ngân đầu tư tàu gặp nhiều khó khăn, Công ty đã chủ động tạm ngừng đầu tư các dự án lớn như mua các tàu biển, tham gia đầu tư vào các nhà máy sửa chữa tàu biển trong ngành, mạnh dạn chuyển hướng đầu tư những dự án có vốn đầu tư nhỏ nhưng mang lại hiệu quả ngay và tận dụng được ưu thế đội tàu của Công ty như dự án thuê bãi và đầu tư mua xe nâng container, mở ra hoạt động khai thác bãi container ở khu vực phía nam; đầu tư đóng mới xà lan cấp nước ngọt, làm dịch vụ cho đội tàu Công ty và các tàu ngoài tại khu vực sông Sài Gòn...

Bước sang năm 2010, hoạt động vận tải đặc biệt là tàu hàng khô đã dần khởi sắc, việc doanh nghiệp tiếp cận với nguồn vốn từ ngân hàng đã dễ dàng hơn, Công ty lại tiếp tục kế hoạch phát triển đội tàu theo định hướng giữ vững vị trí là doanh nghiệp vận tải biển hàng đầu của cả nước như: Tiếp tục đầu tư mua tàu hàng rời cỡ lớn từ 35.000 DWT-75.000 DWT, tàu chở dầu sản phẩm từ 45.000 DWT – 65.000 DWT. Ngoài ra, mục tiêu của công ty là nghiên cứu thị trường và chọn thời điểm thích hợp khi thị trường vận tải dầu thô ổn định lâu dài và có hiệu quả thì đầu tư tàu chở dầu thô loại hơn 100.000 DWT.

Ngoài ra, để tận dụng cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ và giàu kinh nghiệm, Công ty cũng đã và đang phát triển thêm một số sản phẩm mới như: cung cấp dịch vụ quản lý kỹ thuật đội tàu, cung cấp dịch vụ sửa chữa thiết bị cứu sinh, cứu hỏa tàu biển ... hứa hẹn sẽ đạt hiệu quả tốt.

Các sáng kiến trong công việc: Công ty luôn khuyến khích người lao động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Công ty có Hội đồng sáng kiến bao gồm các chuyên gia trong các lĩnh vực: kỹ thuật, tài chính, tổ chức... kết hợp với công đoàn công ty họp định kỳ

xét duyệt. Hàng năm, Công ty có hàng chục sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được công nhận với giá trị làm lợi hàng chục tỷ đồng.

#### **6.7. Tình hình quản lý chất lượng dịch vụ**

Công ty thiết lập hệ thống quản lý an toàn, chất lượng và bảo vệ môi trường đáp ứng các yêu cầu của Bộ luật quản lý an toàn quốc tế và Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 trong đó trình bày các định hướng, chính sách, qui trình quan trọng của Công ty, yêu cầu mọi thuyền viên và cán bộ trên bờ tuân thủ nhằm khai thác tàu Hiệu quả mà vẫn đảm bảo các nguyên tắc: An toàn, Chất lượng và Thân thiện môi trường. Hệ thống quản lý an toàn, chất lượng và bảo vệ môi trường đã và đang góp phần tích cực vào việc khai thác vận hành tàu đạt hiệu quả cao. Hệ thống được Công ty tổ chức soát xét hàng năm và liên tục được cập nhật nhằm thỏa mãn những đổi mới trong các Công ước, Bộ luật quốc tế. Hơn nữa, Công ty luôn động viên, khuyến khích thuyền viên và cán bộ phòng ban trao đổi, đóng góp ý kiến để ngày càng hoàn thiện hệ thống, nâng cao hơn nữa chất lượng cũng như hiệu quả của hệ thống quản lý này.

#### **6.8. Hoạt động marketing, xây dựng thương hiệu và các hoạt động vì cộng đồng.**

Với đặc thù là một doanh nghiệp lớn, lâu đời và có uy tín bậc nhất trong ngành vận tải biển cả nước, Công ty luôn chú trọng hoạt động xây dựng và quảng bá thương hiệu bằng cách luôn giữ chữ tín, cam kết cung cấp những dịch vụ tốt nhất tới khách hàng. Công ty còn duy trì và đẩy mạnh hoạt động marketing thông qua hệ thống môi giới quốc tế, các tạp chí, website chuyên ngành; in thiệp, broucher giới thiệu về Công ty và các dịch vụ Công ty cung cấp gửi cho các đối tác, các khách hàng tiềm năng. Đảm nhận vai trò Phó Chủ tịch hiệp hội chủ tàu Việt Nam, Công ty thường xuyên tham gia các hội nghị, hội thảo với các chủ tàu trong và ngoài nước để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm đồng thời kết hợp quảng bá hình ảnh của doanh nghiệp và đưa thông tin của Công ty đến với các đối tác bên ngoài. Đối với hệ thống dịch vụ trong nước, Công ty có một đội ngũ cán bộ marketing trẻ, năng động, nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn và hỗ trợ thông tin cho khách hàng khi cần thiết.

Song song với việc triển khai các hoạt động kinh doanh, VOSCO còn có những đóng góp tích cực cho các hoạt động mang tính xã hội, nhân đạo như: xây dựng nhà tình nghĩa, nhận phụng dưỡng suốt đời 5 bà mẹ Việt Nam anh hùng, ủng hộ đồng bào vùng bị bão lụt, tặng quà cho những gia đình chính sách khó khăn... Những hoạt động này ngoài việc thể hiện truyền thống lá lành đùm lá rách, uống nước nhớ nguồn nó còn mang ý nghĩa quảng cáo thương hiệu Công ty, đem hình ảnh tốt đẹp của Công ty đến với công chúng.

## 6.9. Biểu tượng công ty đã đăng ký

Biểu tượng logo công ty là tên Công ty được thể hiện cách điệu hình một con tàu đang vững tiến ra biển. Phần nửa trên của logo là những hình parabol cách điệu quả địa cầu, thể hiện cái đích vươn xa ra toàn thế giới. Logo hiện đang sử dụng của Công ty gồm 3 màu: xanh trời, xanh biển và trắng. Công ty đã đăng ký bảo hộ độc quyền logo của doanh nghiệp với 3 màu đen, trắng, ghi tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam theo quyết định số: 23232/QĐ-SHTT ngày 05/11/2009.



Logo Công ty



Biểu tượng đăng ký độc quyền

## 6.10. Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện hoặc đã ký kết

Công ty thường xuyên ký hợp đồng vận tải với các khách hàng lớn cả ở trong và ngoài nước. Đặc biệt để ổn định sản xuất kinh doanh, Công ty đã ký các hợp đồng lớn với một số khách hàng truyền thống như COA gạo với Tổng Công ty lương thực Miền Nam, COA than với Tập đoàn than và khoáng sản Việt Nam, COA đường và sắt phôi với Cargill International SA. Geneva,...

### *Danh sách các khách hàng lớn của Công ty:*

#### a. Đội tàu hàng khô:

| Tên khách hàng                                                                    | Loại hàng chuyên chở     |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| - Tổng Công ty lương thực miền Bắc                                                | Gạo                      |
| - Tổng Công ty lương thực miền Nam                                                | Gạo                      |
| - Tập đoàn than và khoáng sản Việt Nam                                            | Than                     |
| - Cargill International SA. Geneva / Cargill International Transportation Pte Ltd | Đường, sắt phôi          |
| - Louis Dreyfus Corporation/ Louis Dreyfus Commodities Asia Pte Ltd, Singapore    | Đường, nông sản, ngũ cốc |
| - Bunge London, Bunge Geneva/ Bunge Agribusiness                                  |                          |

|                                                   |                          |
|---------------------------------------------------|--------------------------|
| Pte Ltd, Singapore.                               | Đường, nông sản, ngũ cốc |
| - Toepfer International - Asia Pte Ltd, Singapore | Gạo, nông sản, phân bón  |
| - Helm Duengemittel GmbH Hamburg                  | Phân bón                 |

Năm 2009, doanh thu đối với các khách hàng trên chiếm 50% tổng doanh thu đội tàu hàng khô của Công ty.

**b. Đội tàu dầu:**

| Tên khách hàng                                   | Loại hàng chuyên chở |
|--------------------------------------------------|----------------------|
| - Petrolimex                                     | Xăng, dầu            |
| - Shell International Eastern Trading Company    | Xăng, dầu            |
| - Trafigura Pte Ltd                              | Xăng, dầu            |
| - Pertamina Energy Services Pte Ltd              | Xăng, dầu            |
| - Vitol Asia Pte Ltd                             | Xăng, dầu            |
| - Petronas Trading Corporation SDN., BHD., (KL). | Xăng, dầu            |
| - Itochu Corporation                             | Naphtha              |

Năm 2009, doanh thu đối với các khách hàng trên chiếm 60% tổng doanh thu đội tàu dầu của Công ty

**c. Đội tàu container:**

| Tên khách hàng                    | Loại hàng chuyên chở |
|-----------------------------------|----------------------|
| - CMA- CGM VietNam JSC            | Hàng bách hóa        |
| - Công ty liên doanh MSC Việt Nam | Hàng bách hóa        |
| - STX Pan Ocean Shipping.         | Hàng bách hóa        |

Do đặc thù hoạt động vận tải container của Công ty là vận chuyển nội địa, đa số là các khách hàng nhỏ lẻ nên doanh thu đối với các khách hàng trên năm 2009 chỉ chiếm 20% tổng doanh thu đội tàu container của Công ty.

## 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất

### 7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008, 2009 và 6 tháng/2010.

Đơn vị : Triệu đồng

| Chỉ tiêu                                | Năm 2008  | Năm 2009  | Tăng (giảm)<br>của 2009 so<br>với 2008 | 6 tháng<br>năm 2010 |
|-----------------------------------------|-----------|-----------|----------------------------------------|---------------------|
| Tổng giá trị tài sản                    | 4.417.712 | 4.634.428 | 4,91%                                  | 4.892.157           |
| Tổng Doanh thu vận tải và dịch vụ       | 2.829.566 | 1.949.565 | -31,10%                                | 1.308.519           |
| Lợi nhuận gộp                           | 524.415   | 130.451   | -75,12%                                | 182.114             |
| Lợi nhuận hoạt động tài chính           | -140.580  | -9.015    | -93,59%                                | -70.328             |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 253.592   | 22.606    | -91,09%                                | 50.728              |
| Lợi nhuận khác                          | 83.779    | 41.340    | -50,66%                                | 14.872              |
| Lợi nhuận trước thuế                    | 337.371   | 63.946    | -81,05%                                | 65.600              |
| Lợi nhuận sau thuế                      | 289.124   | 52.576    | -81,82%                                | 53.600              |
| Cổ tức/mệnh giá (%)                     | 15        | 5         | -66,67%                                | -                   |

Nguồn VOSCO

(Cổ tức năm 2009 5% bao gồm 3% từ lợi nhuận năm 2009 và 2% từ lợi nhuận để lại của năm 2008) Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2009 cho các cổ đông bằng tiền mặt từ ngày 12/5/2010.

So với năm 2008, doanh thu và lợi nhuận năm 2009 của Công ty giảm mạnh do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính dẫn đến suy thoái kinh tế khiến cho giá cước vận tải biển giảm tới mức kỷ lục trong khi các chi phí đầu vào như vật liệu, phụ tùng, chi phí sửa chữa, bảo hiểm, cảng phí.... lại có xu hướng tăng. Chi phí nhiên liệu có giảm so với năm 2008 nhưng mức giảm không tương ứng với mức giảm giá cước. Đó là nguyên nhân chính khiến cho doanh thu và lợi nhuận của Vosco giảm mạnh trong năm 2009.

### 7.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm báo cáo

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải biển, Vosco chịu tác động bởi nhiều yếu tố trong đó có kinh tế vĩ mô, sự biến động của tỷ giá và biến động giá dầu.

Chi phí nhiên liệu chiếm tỉ trọng lớn trong chi phí kinh doanh của Vosco do đó sự biến động của giá dầu sẽ ảnh hưởng lớn tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giá nhiên liệu dầu F.O và D.O cuối năm 2009 đã tăng lần lượt 67% và 14% so với thời điểm đầu năm 2009.

Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu bùng phát từ cuối năm 2008 đã có những ảnh hưởng lớn đến hoạt động của ngành vận tải biển trong đó có Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam. Hàng hóa khan hiếm và thị trường cước tàu biển thường xuyên ở mức thấp trong hầu hết cả năm 2009. Tuy nhiên, toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty luôn nỗ lực hết mình, tìm mọi biện pháp để quay vòng nhanh đội tàu nhằm tối đa hóa doanh thu và giảm thiểu những chi phí chưa thực sự cần thiết. Kết quả Công ty đã đạt được hầu hết các chỉ tiêu cơ bản mà ĐHCĐ thường niên năm 2009 đề ra.

### **7.3. Một số giải trình liên quan đến BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 (Căn cứ xác nhận của kiểm toán đính kèm phụ lục)**

#### **7.3.1 Mục lưu ý người đọc BCTC đã được kiểm toán năm 2009 (trang 6):**

a. “Do nguyên nhân suy thoái kinh tế, ngày 10/12/2009, Bộ Tài chính đã có Công văn số 17274/BTC-TCĐN cho phép các Công ty cổ phần vận tải biển do Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam nắm giữ cổ phần chi phối được giảm mức khấu hao năm 2009 so với mức khấu hao theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC cho một số tàu biển, mức giảm tối đa từ 30% đến 75%. Công ty đã áp dụng mức giảm 38,5% khấu hao cho một số tàu của mình nên chi phí khấu hao năm 2009 giảm 139,4 tỷ VND”.

Vấn đề này đã được tham chiếu đến thuyết minh BCTC, trang 34 phần VII.1. Thay đổi ước tính kế toán chi tiết như sau:

Để đảm bảo mức cổ tức đã cam kết với các cổ đông năm 2009 là 5%, Công ty đã tính toán và điều chỉnh tỷ lệ khấu hao giảm 38,5% để hài hòa lợi ích các cổ đông, nhưng vẫn đảm bảo nguồn khấu hao tái đầu tư phát triển đội tàu. Cụ thể nếu không giảm 139,4 tỷ khấu hao thì Lợi nhuận trước thuế là -75,45 tỷ. Sau khi điều chỉnh tỷ lệ khấu hao, lợi nhuận trước thuế là 63,95 tỷ, đảm bảo mức cổ tức 3% (cùng với 2% lợi nhuận trên vốn CSH của năm 2008 chưa chia, tổng số là 5%)

Việc tính toán để chia 5% cổ tức năm 2009 nằm trong chủ trương chung của Chính phủ hỗ trợ các Doanh nghiệp vận tải biển trong năm 2009 đặc biệt khó khăn đối với ngành Vận tải biển. Tỷ lệ giảm khấu hao như đã thực hiện vừa đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, vừa đảm bảo công ty duy trì tình hình tài chính ổn định, vì nếu tăng tỷ lệ cổ tức sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến dòng tiền kinh doanh cũng như kế hoạch đầu tư phát triển đội tàu của Công ty.

“Trong năm, Công ty thay đổi thời gian khấu hao đối với một số tàu biển do những năm trước cùng với đà phát triển chung của nền kinh tế thế giới, ngành vận tải biển là một trong những ngành kinh doanh mang lại hiệu quả cao nên Công ty đã xin phép Bộ Tài chính được khấu hao nhanh đội tàu để thu hồi vốn trả nợ vay ngân hàng. Từ cuối năm 2008 đến nay, nền kinh tế thế giới bị suy thoái, ngành vận tải biển bị ảnh hưởng trực tiếp và tức thời nên Công ty đã giãn thời gian khấu hao đối với loại phương tiện vận tải là tàu biển. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho khấu hao của phương tiện vận tải biển năm nay giảm 196.993.671.476 VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước.”

Về vấn đề này Công ty xin gửi kèm các công văn:

CV số 14660 TC/TCDN ngày 31/12/2004 của BTC (17 tàu danh sách đính kèm).

CV số 5872 TC/TCDN ngày 17/5/2005 của BTC (05 tàu theo danh sách đi kèm.)

CV số 14523/BTC-TCDN ngày 16/11/2005 của BTC cho tàu Đại Việt

CV số 4229/BTC-TCDN ngày 31/3/2006 của BTC cho tàu Lan Hạ

CV số 9530/BTC-TCDN ngày 14/8/2008 của BTC cho 3 tàu Đại Nam, Đại Minh, NStar

Tổng số là 27 tàu. Theo các văn bản cho phép, thay vì Cty khấu hao tối thiểu là 7 năm theo quyết định 206/2003/QĐ- BTC ngày 12/12/2003 của BTC thì Công ty thực hiện khấu hao tàu theo từng quyết định mà các công văn của BTC cho phép như đã liệt kê ở trên.

Việc giãn thời gian khấu hao này là vẫn nằm trong khung khấu hao qui định tại công văn số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003. Tuy nhiên Kiểm toán đưa ý kiến trên vì muốn người đọc lưu ý đến việc điều chỉnh chính sách khấu hao của Công ty từ doanh nghiệp Nhà nước sang doanh nghiệp cổ phần.

Như đã giải trình, năm 2009 là một bức tranh tương phản với năm 2008 trong lĩnh vực vận tải biển, vì vậy mọi sự so sánh đối với hoạt động vận tải biển là rất khập khiễng. Để duy trì hoạt động một đội tàu ổn định, lâu dài Công ty với bề dày kinh nghiệm 40 năm luôn biết cách ứng phó một cách hiệu quả với sự biến động bất thường và khác nghiệt của thị trường vận tải biển, việc điều chỉnh tăng khấu hao trong những năm kinh doanh thuận lợi cũng như điều chỉnh giảm chi phí trong những năm khó khăn chỉ là một trong những biện pháp để doanh nghiệp tồn tại và tiếp tục phát triển bền vững. Về khía cạnh kiểm toán đã phản ánh trung thực số giảm khấu hao của năm 2009 so với năm 2008, là 196,99 tỷ đồng. Đồng thời công ty đã giảm tiếp 38,5% quỹ khấu hao đội tàu so với qui định là 139,4 tỷ đồng (theo công văn số 17274/BTC-TCDN ngày 10/12/2010 của Bộ Tài chính). Như vậy, nếu Công ty không giảm 336,39 tỷ đồng chi phí khấu hao thì lợi nhuận trước thuế ước tính sẽ là -272,45 tỷ (-336,39 tỷ + 63,94 tỷ).

b. Trong báo cáo kiểm toán lưu ý người đọc về thay đổi chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ. Năm 2009, Công ty thực hiện xử lý chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Vấn đề này đã được tham chiếu đến thuyết minh BCTC, trang 34 phần VII.2. Thay đổi chính sách kế toán chi tiết như sau:

*“Năm 2009, Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (xem thuyết minh số IV.15). Theo đó, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn là 9.135.948.446 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và khoản lỗ chênh lệch tỷ giá từ việc đánh giá lại các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm là 86.574.912.000 VND được phân bổ cho các năm sau là 69.259.929.600 VND thay vì kết chuyển vào chi phí như những năm trước.”*

c. Trong báo cáo kiểm toán lưu ý người đọc về việc thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc phân bổ chi phí sửa chữa các tàu lên đà vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn hiệu lực đăng kiểm là 30 tháng thay vì kết chuyển toàn bộ một lần vào chi phí như những năm trước. Vấn đề này đã được tham chiếu đến thuyết minh BCTC, trang 34 phần VII.2. Thay đổi chính sách kế toán chi tiết như sau:

*“Năm 2009, Công ty cũng thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc phân bổ chi phí sửa chữa các tàu lên đà vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn hiệu lực đăng kiểm là 30 tháng thay vì kết chuyển toàn bộ một lần vào chi phí như những năm trước. Việc thay đổi chính sách kế toán đối với chi phí sửa chữa các tàu lên đà này làm cho chi phí năm nay giảm 39.482.753.173 VND”*

Các năm trước đây, công ty thực hiện việc hạch toán và kết chuyển toàn bộ chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong năm vào năm tài chính phát sinh nghiệp vụ tàu sửa chữa lớn (đối với tàu biển thời gian bắt buộc lên đà sửa chữa lớn là 2 lần/5 năm). Việc hạch toán này có ưu điểm là tiện theo dõi các tài khoản kế toán chi tiết, nhưng không phản ánh đúng kết quả kinh doanh của từng tàu trong năm tài chính, do năm tàu lên đà sửa chữa lớn, doanh thu giảm nhưng chi phí lại tăng đột biến. Do vậy từ năm 2009 để công tác kế toán phản ánh đúng, đủ, chính xác công ty đã phân bổ chi phí sửa chữa lớn bình quân là 30 tháng/tàu. Việc phân bổ chi phí này được hạch toán theo quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của BTC và được theo dõi trên TK 242. Cụ thể, việc điều chỉnh phương pháp hạch toán chi phí sửa chữa lớn như trên, công ty đã kết chuyển 39,48 tỷ đồng sang các năm tài chính tiếp theo. Nếu không kết chuyển 39,48 tỷ đồng

sang các năm tài chính tiếp theo thì lợi nhuận trước thuế của công ty ước tính là -311,9 tỷ đồng (-272,45 tỷ - 39,45 tỷ).

### **7.3.2 Mục lưu ý người đọc BCTC đã được kiểm toán năm 2008 (trang 7):**

Trong báo cáo kiểm toán lưu ý người đọc về thay đổi ước tính kế toán liên quan đến thời gian khấu hao của các phương tiện vận tải là tàu biển. *“Trong năm Công ty thay đổi thời gian khấu hao phương tiện vận tải là tàu biển. Việc thay đổi thời gian khấu hao làm cho chi phí khấu hao của các phương tiện này giảm so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước. Tuy nhiên Công ty không thực hiện công bố ảnh hưởng của các thay đổi ước tính kế toán này có ảnh hưởng đến năm tài chính 2008 như theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 29 (Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót)”*

Như trên đã nêu do những năm trước cùng với đà phát triển chung của nền kinh tế thế giới, ngành vận tải biển là một trong những ngành kinh doanh mang lại hiệu quả cao nên Công ty đã xin phép Bộ Tài chính được khấu hao nhanh đội tàu (3,5 năm) để thu hồi vốn trả nợ vay Ngân hàng. (Công ty gửi kèm văn bản như mục 1).

Năm 2008 là năm đầu tiên công ty chuyển sang mô hình công ty cổ phần nên mục tiêu lợi nhuận có thay đổi so với doanh nghiệp nhà nước (phát triển ổn định, lấy mục tiêu tăng trưởng và trả nợ đội tàu làm trọng tâm) do vậy, để phù hợp với thị trường kinh doanh vận tải biển năm 2008, và mặt bằng cổ tức chung của các doanh nghiệp vận tải biển trong nước, Công ty đã điều chỉnh khung khấu hao đối với đội tàu so với năm 2007, dẫn tới giảm 130,2 tỷ đồng so với năm 2007. Tuy nhiên việc điều chỉnh khấu hao này vẫn nằm trong khung khấu hao của Bộ Tài chính. Việc điều chỉnh chi phí khấu hao này làm lợi nhuận trước thuế tăng tương ứng là 130,2 tỷ đồng. Do sơ suất công ty đã không công bố ảnh hưởng của thay đổi ước tính kế toán này. Tại Đại hội đồng cổ đông năm 2009 Công ty đã trình bày và các cổ đông đã thông qua báo cáo tài chính năm 2008 này, đảm bảo mức chia cổ tức 15% thay vì 7,38% như kế hoạch trình các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty.

*“Trong năm, Công ty đang xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế dựa trên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành”.*

Năm 2008, công ty phải nộp 24,8 tỷ đồng thuế TNDN trên khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện không được tính vào thu nhập chịu thuế là 88,5 tỷ. Nếu được hạch toán toàn bộ số tiền trên vào chi phí năm tài chính 2008 thì lợi nhuận sau thuế của công ty sẽ tăng lên tương ứng 24,8 tỷ.

**7.3.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong BCTC năm 2008, khoản mục “Tiền và tương đương tiền đầu năm” ở cột LCTT năm 2008 là 163.835.000.713 đồng trong khi cột LCTT năm 2007 không có:**

Theo quy định của Bộ tài chính tại năm báo cáo 2008 là năm đầu tiên doanh nghiệp chuyển đổi hình thức sở hữu, BCTC không trình bày cột số liệu đầu năm và số năm trước. Khoản mục “Tiền và tương đương tiền đầu năm” trên LCTT năm 2008 số tiền 163.835.000.713 đồng là số dư “Tiền và tương đương tiền” tại ngày 31/12/2007 chuyển sang.

**7.3.4 Trong BCTC năm 2008, thuyết minh V.14 “Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” (trang 23) và thuyết minh VI.4 “Chi phí tài chính” (trang 28):**

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 doanh nghiệp đánh giá lại số dư các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng ngày 31/12/2008 là 16.977 VND/USD và 25.569,71 VND/EUR, việc đánh giá này xác định khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện là 88.581.136.190 đồng. Khoản lỗ này đã đưa vào kết quả kinh doanh năm 2008 nhưng bị loại trừ khi xác định thuế TNDN của năm 2008 theo hướng dẫn tại thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007. Việc loại trừ này làm Công ty phải nộp số thuế TNDN tương ứng là 24.802.718.133 đồng ( $88.581.136.190 \times 28\%$ ) do phát sinh khoản chênh lệch tạm thời giữa lợi nhuận kế toán và lợi nhuận chịu thuế TNDN. Do đó, khoản tiền 24.802.718.133 đồng được doanh nghiệp ghi nhận là Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại như một khoản phải thu lại Ngân sách khi các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trên được thực hiện trong các năm tiếp theo.

**7.3.5 Trong BCTC năm 2008, thuyết minh V.19 “Thuế TNDN” (trang 25) khoản Lãi chênh lệch tỷ giá của năm trước đã thực hiện trong năm 2008 là 3.426.168.839 đồng:**

Khoản lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện tại 31/12/2007 là 7.678.168.839 đồng, theo chuẩn mực kế toán số 10 và thông tư 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ tài chính thì số lãi này không được phân phối và xác định nghĩa vụ thuế tại ngày 31/12/2007. Trong năm 2008 Công ty đã thực hiện số lãi này là 3.426.168.839 đồng.

**7.3.6 Trong BCTC năm 2009, thuyết minh V.26 “Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu” (trang 30) khoản lợi nhuận năm 2008 để lại là 28.000.000.000 đồng, trong khi số dư đầu năm 2009 khoản “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” đã hạch toán là 28.866.758.157 đồng như sau:**

Tại thời điểm lập BCTC năm 2008 Công ty tạm tính cổ tức với mức 17% trên Vốn điều lệ số tiền tương đương là: 238 tỷ VNĐ. Năm 2009 Công ty thực hiện chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2009 với mức 15% trên Vốn điều lệ số tiền tương đương là: 210 tỷ đồng. Phần chênh lệch giữa mức chia cổ tức theo Nghị

quyết Đại hội đồng Cổ đông với mức cổ tức tạm tính năm 2008 là 28.000.000.000 đồng được ghi nhận là lợi nhuận năm 2008 để lại và hạch toán vào năm 2009.

## **8. Vị thế của Công ty và triển vọng ngành**

### **8.1. Vị thế của VOSCO trên thị trường vận tải biển**

Là công ty vận tải biển đầu tiên được thành lập vào năm 1970, sau 40 năm xây dựng và phát triển, Vosco hiện là doanh nghiệp vận tải biển lớn nhất tại Việt Nam (Nguồn Cục hàng hải Việt Nam). Do đã có nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trên khắp các tuyến hàng hải và cảng biển trên thế giới, Vosco có khả năng hoạt động và cạnh tranh có hiệu quả trên thị trường quốc tế.

Tính đến ngày 31/12/2009, đội tàu của Vosco có 28 chiếc với tổng trọng tải 546 nghìn DWT, chiếm khoảng 20% tổng trọng tải đội tàu biển của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines) và hơn 9% của đội tàu cả nước. Đồng thời, đội tàu Vosco cũng có tuổi tàu tương đối trẻ so với mức trung bình hiện nay của Việt Nam và khu vực.

Hiện nay, Vosco vừa nhận và đưa vào khai thác tàu hàng khô VOSCO Sky (trọng tải 52.523 DWT đóng tại Nhật Bản) và chuẩn bị nhận 1 tàu hàng khô 22.500 DWT đóng mới trong nước, nâng tổng trọng tải đội tàu lên 621 nghìn DWT.

### **8.2. Triển vọng phát triển của ngành**

Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09/02/2007 của Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 đã nêu rõ:

Đến năm 2020, phát triển thành công, có bước đột phá về kinh tế biển, ven biển như sau: (1) Khai thác, chế biến dầu, khí; (2) Kinh tế hàng hải; (3) Khai thác và chế biến hải sản; (4) Du lịch biển và kinh tế hải đảo; (5) Xây dựng các khu kinh tế, các khu công nghiệp tập trung và khu chế xuất ven biển gắn với phát triển các khu đô thị ven biển.

Sau năm 2020, thứ tự phát triển kinh tế biển có sự thay đổi: (1) Kinh tế hàng hải; (2) Khai thác, chế biến dầu khí và các loại khoáng sản; (3) Khai thác và chế biến hải sản; (4) Du lịch biển và kinh tế hải đảo; (5) Xây dựng các khu kinh tế, các khu công nghiệp tập trung và khu chế xuất ven biển gắn với phát triển các khu đô thị ven biển.

Như vậy, kinh tế hàng hải đang và sẽ giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc gia mà theo đó các doanh nghiệp vận tải biển nói chung và Tổng công ty Hàng hải nói riêng đóng vai trò rất quan trọng. Với bề dày truyền thống và kinh nghiệm khai thác của mình, Vosco sẽ có nhiều lợi thế để nắm bắt các cơ hội đó.

Nền kinh tế Việt Nam có mức tăng trưởng ổn định trong thời gian qua và dự kiến sẽ tiếp tục với tốc độ khoảng 7 - 8% trong vòng 5 năm nữa, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa sẽ tiếp tục tăng từ 15 -20%/năm. Điều này có nghĩa là khối lượng hàng qua các cảng sẽ tăng từ 20 - 25%/năm, thậm chí cao hơn ở các khu vực trọng điểm miền Nam và Hải Phòng.

Dự báo mới nhất về lượng hàng hoá thông qua hệ thống cảng biển Việt Nam năm 2010 là 265 triệu tấn/năm và năm 2020 là 480 triệu tấn/năm. Riêng khu vực Hải Phòng, đến năm 2010 khối lượng hàng hóa thông qua cảng có thể đạt từ 17.3-21.8 triệu tấn. Năng lực hệ thống cảng biển Việt Nam phải tăng gấp 2 lần so với hiện tại vào năm 2010 và gấp 4 lần vào năm 2020 mới có thể đáp ứng được yêu cầu hàng hoá thông qua. Kế hoạch phát triển vận tải biển Việt nam đến năm 2020, định hướng 2030 và kế hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt nam đến năm 2020, định hướng đến 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt làm cơ sở cho ngành hàng hải tổ chức thực hiện nhằm tăng năng lực của ngành lên một tầm cao mới để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển theo Nghị quyết của TW Đảng Khóa X về chiến lược biển Việt Nam. Sau 03 năm thực hiện chiến lược biển, đội tàu biển Việt Nam đã có gần 1600 tàu với tổng trọng tải hơn 6,2 triệu tấn nhưng cũng mới chỉ chiếm khoảng 22% thị phần vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam (Nguồn Cục hàng hải Việt Nam - 2009). Vì vậy việc đẩy mạnh phát triển đội tàu biển quốc gia để nâng cao thị phần vận tải xuất nhập khẩu và đáp ứng nhu cầu vận chuyển nội địa của đất nước là nhu cầu khách quan, tất yếu và thuận lợi cho các chủ tàu Việt Nam. Ngoài ra, theo chỉ đạo của Chính phủ, một loạt các dự án mới xây dựng cơ sở hạ tầng cảng biển, dự án nâng cấp cải tạo các cảng hiện có tại các vùng kinh tế trọng điểm miền Bắc, Trung và Nam như cảng Quảng Ninh, cảng Đình Vũ, cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện, cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong, cảng Hiệp Phước, cụm cảng tại Cái Mép, Thị Vải, cảng container quốc tế Vũng Tàu, cụm cảng khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long...đang được triển khai (nguồn Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - 2009). Trong vài năm tới, việc đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cảng biển với quy mô lớn sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho đội tàu biển Việt Nam phát triển và kinh doanh có hiệu quả không chỉ ngay tại sân nhà mà còn vươn xa tới các châu lục khác trên thế giới..

Với lợi thế sẵn có cùng chiến lược phát triển ngành hàng hải đúng đắn phù hợp với năng lực hiện tại của Việt Nam, trong tương lai, ngành kinh tế hàng hải nói chung và ngành vận tải biển nói riêng sẽ giữ một vai trò quan trọng trong việc góp phần tạo nên tốc độ tăng trưởng kinh tế được dự báo là cao và đầy triển vọng của Việt Nam. Thời gian qua, với sự nỗ lực của Chính phủ các nước, nền kinh tế thế giới nói chung và ngành vận tải biển nói riêng đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất để hướng tới tương lai tươi sáng hơn.

### **8.3. Chiến lược phát triển 2010 – 2012 của VOSCO**

#### **a. Chiến lược về đầu tư và phát triển kinh doanh.**

Thực hiện chiến lược trẻ hóa đội tàu của Tổng Công ty hàng hải Việt Nam, hàng năm Công ty đều có kế hoạch thanh lý những tàu cũ, cỡ nhỏ, hoạt động kém hiệu quả bằng những tàu mới, trọng tải lớn, hiện đại, đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của các Bộ luật, các chính quyền cảng và của khách hàng nhằm đảm bảo tàu của Công ty được chấp nhận ở những thị trường có tiềm năng nhưng lại đòi hỏi khắt khe như Châu Âu, Châu Mỹ, châu Úc... Kế hoạch thời gian tới công ty tiếp tục định hướng phát triển hài hòa cả ba nhóm tàu (tàu hàng rời, tàu dầu, tàu container) mà công ty đã và đang quản lý, khai thác với bề dày kinh nghiệm nhiều năm qua, cũng là xu hướng chính của hoạt động vận tải biển quốc tế, đó là các loại tàu chuyên dụng như tàu hàng rời cỡ lớn, chú trọng phát triển loại có trọng tải lớn hơn từ 35.000-75.000 tấn nhằm tận dụng hệ thống cảng biển nước sâu để hạ giá thành vận chuyển, nâng cao khả năng cạnh tranh về giá cước, mang lại hiệu quả cao hơn cho đội tàu.

Đối với nhóm tàu dầu: tiếp tục đầu tư loại tàu chở dầu sản phẩm từ 45.000-65.000 tấn căn cứ vào nhu cầu tiêu thụ của các nước trong khu vực, khi có cơ hội sẽ đầu tư tàu chở dầu thô trọng tải hơn 100.000 tấn, tham gia sâu hơn vào lĩnh vực vận tải dầu khí là lĩnh vực có nhiều tiềm năng và hiệu quả cao.

Đối với nhóm tàu container: sau bước khởi đầu thành công trong lĩnh vực vận chuyển chuyên tuyến container nội địa, công ty đã tạo dựng được uy tín và hình ảnh tốt đẹp đối với khách hàng container trên tuyến Bắc – Nam. Thời gian tới, căn cứ vào sự phục hồi của thị trường vận tải container quốc tế, công ty sẽ từng bước đầu tư thêm những cặp tàu container có trọng tải lớn trên 1.000 TEU và lớn hơn để tham gia sâu rộng và vững chắc vào các tuyến vận chuyển container đi/về Việt Nam và giữa các cảng trong khu vực châu Á.

Song hành với việc phát triển về quy mô, Công ty còn chú trọng nghiên cứu nâng cao công tác quản lý khai thác, quản lý kỹ thuật, vật tư, quản lý thuyền viên thông qua các hình thức đào tạo chuyên sâu và áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý một cách có hiệu quả.

Với trên 80% lượng hàng hóa luân chuyển trên thế giới được vận tải bằng đường biển và cùng với định hướng phát triển của ngành vận tải biển Việt Nam, chiến lược phát triển đồng bộ đội tàu của Vosco phù hợp với định hướng phát triển ngành đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, phù hợp với xu thế chung trên thế giới sẽ đem lại sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

## **b. Chiến lược về Marketing, khách hàng:**

Với một bộ máy quản lý hoàn chỉnh và dày dặn kinh nghiệm, với tác phong làm việc chuyên nghiệp của cả hệ thống từ cán bộ quản lý trên bờ đến đội ngũ sỹ quan, thuyền viên dưới tàu, Công ty luôn giữ vững uy tín với khách hàng, chủ động hợp tác và tìm hiểu, giúp đỡ hỗ trợ khách hàng cùng hoàn thành tốt trách nhiệm của các bên. Công ty thường xuyên quan tâm đến nhu cầu và lợi ích của khách hàng để phục vụ, thỏa mãn nhu cầu và lợi ích của họ.

## **9. Chính sách đối với người lao động**

### **9.1. Cơ cấu lao động hiện tại:**

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm hiện tại là 1.669 người được cơ cấu theo trình độ như sau:

| <b>Trình độ lao động</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ %</b> |
|--------------------------|-----------------|----------------|
| Đại học và trên đại học  | 828             | 49,61%         |
| Cao đẳng và trung cấp    | 274             | 16,42%         |
| Sơ cấp                   | 557             | 33,37%         |
| Lao động phổ thông       | 10              | 0,6%           |
| <b>Tổng cộng</b>         | <b>1.669</b>    | <b>100%</b>    |

*Nguồn: VOSCO*

### **9.2. Chính sách tuyển dụng, huấn luyện và đào tạo:**

Căn cứ vào kế hoạch phát triển và tổ chức sản xuất hàng năm, Công ty xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động để bổ sung nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Để có được lực lượng lao động chất lượng, Công ty thực hiện chính sách tuyển dụng công khai, rộng rãi, đúng chuyên môn nghiệp vụ. Đối với thuyền viên, sau khi tuyển dụng, được Công ty huấn luyện cơ bản, sát với công việc được giao. Ngoài ra công ty cũng có chính sách đào tạo lại, đào tạo nâng cao thông qua Hệ thống huấn luyện của công ty và các trường Đại học chuyên ngành để đào tạo các chức danh sỹ quan dưới tàu.

### **9.3. Chính sách bảo đảm an toàn lao động:**

Người lao động được khám sức khỏe định kỳ hàng năm và sỹ quan thuyền viên được khám sức khỏe trước khi xuống tàu làm việc. Mọi chức danh làm việc trên tàu đều đảm bảo được huấn luyện và cấp chứng chỉ an toàn phù hợp, được trang bị phòng hộ cá nhân đáp ứng yêu cầu an toàn. Tổ chức mạng lưới an toàn vệ sinh viên, đảm bảo đôn đốc, nhắc nhở thực hiện quy trình an toàn trong từng ca làm việc.

#### **9.4. Chính sách tiền lương:**

Công ty thực hiện nguyên tắc trả lương theo lao động kết hợp với việc trả lương theo kết quả công việc. Công ty cũng xác định tiền lương là đòn bẩy để tăng năng suất lao động và tăng cường hiệu quả công tác. Chính sách tiền lương được xây dựng trên cơ sở đảm bảo hài hòa các lợi ích của Nhà nước, của Người lao động và của Nhà đầu tư. Ngoài ra, phải tính đến đặc thù lao động của ngành nghề đi biển và tính thị trường trong giai đoạn hiện nay.

#### **9.5. Chính sách phúc lợi:**

Hàng năm, Công ty đều có chế độ tham quan, nghỉ mát cho cán bộ công nhân viên và thuyền viên, có chế độ thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ. Công ty tặng quà cho tất cả các cán bộ công nhân viên khi nghỉ hưu tùy theo thâm niên làm việc trong Công ty; có quà sinh nhật cho tất cả các thuyền viên đang làm việc trên các tàu. Tất cả các tàu của Công ty đều được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho sinh hoạt câu lạc bộ văn hóa, thể thao của thuyền viên. Hàng năm công đoàn công ty đều có quà tặng cho các cháu con người lao động đạt danh hiệu học sinh giỏi và đạt giải từ cấp quận trở lên. Nhìn chung quyền lợi của người lao động được thụ hưởng cao hơn các quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **10. Chính sách cổ tức**

VOSCO tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ khác đến hạn phải trả.

Cổ tức sẽ được chi trả từ lợi nhuận của Công ty căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh và khả năng tài chính của Công ty.

Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hay từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (cổ phiếu, trái phiếu đã thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết về việc này.

Với kết quả kinh doanh tốt, VOSCO trả cổ tức là 15% bằng tiền mặt cho năm tài chính 2008. Trong năm 2009, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu khiến cho nhu cầu vận chuyển hàng hóa sụt giảm. Các doanh nghiệp vận tải biển nói chung và VOSCO nói riêng gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên dưới sự chỉ đạo đúng hướng của HĐQT và Đảng ủy Công ty, công tác điều hành kịp thời và hiệu quả của Ban Điều hành, toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã nỗ lực hết mình hoàn thành được những chỉ tiêu cơ bản mà ĐHĐCĐ năm 2009 đã thông qua.

Nghị quyết ĐHCĐ năm 2010 đã thông qua tỷ lệ cổ tức của năm 2009 là 5% vốn điều lệ và kế hoạch cổ tức của năm 2010 với mức tối thiểu là 5%. Vosco thực hiện chi trả cổ tức năm 2009 cho các cổ đông bằng tiền mặt từ ngày 12/5/2010.

## 11. Tình hình hoạt động tài chính

### 11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### a. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 10-25 năm
- Máy móc và thiết bị: 03-08 năm
- Phương tiện vận tải: 05-20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 03-05 năm
- Tài sản cố định khác 06 năm

#### b. Thu nhập bình quân của CBCNV

Năm 2008, thu nhập bình quân đầu người VOSCO đạt 13,5 triệu đồng/tháng. Năm 2009 do ảnh hưởng suy thoái kinh tế tác động đặc biệt mạnh mẽ đến lĩnh vực vận tải biển, thu nhập của CBCNV cũng bị giảm sút. Tuy nhiên mức thu nhập 9,9 triệu đồng/người/tháng tính bình quân cho cả lực lượng đang nghỉ phép, chờ việc là mức tương đối cao so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành và trong cùng địa bàn.

| Năm                                     | 2008       | 2009      |
|-----------------------------------------|------------|-----------|
| Mức thu nhập bình quân Đồng/người/tháng | 13.467.000 | 9.900.000 |

Nguồn: VOSCO

#### c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán hai giai đoạn năm 2008 và năm 2009 Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

**d. Các khoản phải nộp theo luật định**

Với hoạt động kinh doanh đa ngành nghề, VOSCO phải thực hiện tất cả các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật đối với các lĩnh vực hoạt động mà VOSCO tham gia, VOSCO luôn thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ liên quan tới ngân sách Nhà Nước.

**e. Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế để trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và tỷ lệ trích theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Công ty, cụ thể là:

- + Quỹ Đầu tư phát triển.
- + Quỹ dự phòng Tài chính (5% LN sau thuế)
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi (5% Ln sau thuế)

**Bảng số dư các quỹ của Vosco***Đơn vị tính: triệu đồng*

| Chỉ tiêu                 | Năm 2008 | Năm 2009 | 6 T/ 2010 |
|--------------------------|----------|----------|-----------|
| Quỹ đầu tư phát triển    | 0        | 0        | 0         |
| Quỹ dự phòng tài chính   | 13.339   | 15.968   | 15.968    |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | 18.270   | 14.117   | 7.964     |

**f. Tổng dư nợ vay tại thời điểm 30/6/2010**

- + Tổng các khoản vay ngắn hạn của công ty tại thời điểm 30/6/2010 là **270.270.277.370** đồng, bao gồm:

|                                                             |                        |
|-------------------------------------------------------------|------------------------|
| - Ngân hàng TMCP Bảo Việt                                   | 96.683.210.143         |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng | 27.604.520.886         |
| - Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng    | 145.982.546.341        |
| <b>Cộng</b>                                                 | <b>270.270.277.370</b> |

Đến thời điểm hiện tại Vosco không có các khoản nợ ngắn hạn quá hạn phải trả.

- + Tổng các khoản vay dài hạn của công ty tại thời điểm 31/3/2010 là **2.645.461.339.990** đồng, bao gồm:

|                                                              |                 |
|--------------------------------------------------------------|-----------------|
| - Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hải | 463.767.973.490 |
|--------------------------------------------------------------|-----------------|

|                                                                                                                |                          |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| Phòng (VND) <sup>(a)</sup>                                                                                     |                          |
| - Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Hải Phòng                                                                        | 1.341.572.505.000        |
| Vay bằng VND <sup>(b)</sup>                                                                                    | 26.407.500.000           |
| Vay bằng ngoại tệ quy ra VND                                                                                   | 1.315.165.005.000        |
| Tương đương nguyên tệ (USD) <sup>(c)</sup>                                                                     | 73.305.000               |
| - Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng <sup>(d)</sup><br>(USD) gốc nguyên tệ là 11.733.750 USD | 196.480.861.500          |
| - Ngân hàng TMCP Bảo Việt (VND) <sup>(e)</sup>                                                                 | 226.400.000.000          |
| - Ngân hàng techcombank - Chi nhánh Chương Dương <sup>(d)</sup> (USD) gốc<br>nguyên tệ là 22.500.000 USD (h)   | 417.240.000.000          |
| <b>Cộng</b>                                                                                                    | <b>2.645.461.339.990</b> |

(a) Khoản vay VND Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng để đóng mới tàu trong nước từ năm 2000, 2001, 2002 và 2006.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số 0163/09/HP ngày 29 tháng 4 năm 2009, số tiền vay 35,21 tỷ VND để mua vỏ container, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất thả nổi bằng lãi suất VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau (+) 2,5%/năm, điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Tiên Yên.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng gồm 3 hợp đồng tín dụng:

- Số 0020/07/HP ngày 12/2/2007, số tiền vay 41 triệu USD để mua tàu chở dầu, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

- Số 0097/07/HP ngày 26/9/2007, số tiền vay 52,74 triệu USD để mua tàu chở dầu, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 1,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Ocean Star.

- Số 0098/07/HP ngày 21/9/2007, số tiền vay 27 triệu USD để mua tàu Neptune Star, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 1,625%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Vega Star.

- (d) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số 2008/HĐTD-VOSCO ngày 21/11/2008, số tiền vay 15,645 triệu USD để mua tàu SEABEE (nay đổi tên thành tàu VOSCO STAR) trọng tải 46.761 DWT, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 2,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt gồm 3 hợp đồng tín dụng:
- Số 82.2009.HĐTD ngày 08/07/2009, số tiền vay 2,73 tỷ VND để mua xe nâng vỏ container, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất điều chỉnh 6 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 2,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
  - Số 112.2009.HĐTD ngày 24/08/2009, số tiền vay 175 tỷ VND để đầu tư dự án đóng tàu Lucky Star 22.500 DWT, thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn trả nợ gốc 24 tháng, lãi suất 10,5% cho 6 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh 6 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 2,5%/năm, hỗ trợ lãi suất 4%/năm theo quy định hiện hành. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Silver Star, Fortune Freighter và Lucky Star.
  - Số 237.2009.HĐTD ngày 25/12/2009, số tiền vay 100 tỷ VND để đầu tư dự án đóng tàu Blue Star 22.500 DWT, thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn trả nợ gốc 24 tháng, lãi suất 12% cho 3 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 3%/năm, hỗ trợ lãi suất 4%/năm theo quy định hiện hành. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Đại Việt.
- h. Khoản vay Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng tín dụng số 67667/HĐTD/TH-PN/TCB CHD ngày 17/3/2010, số tiền vay 22,500 USD để mua tàu Medi Dubai (nay đổi tên thành tàu VOSCO Sky) trọng tải 52.523 DWT thời hạn vay 07 năm, lãi suất huy động tiết kiệm thường USD 12 tháng trả sau của Techcombank cộng biên độ 3,7%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tàu P. Star, G.Star.

**g. Tình hình công nợ hiện nay.**

 Tình hình các khoản phải thu:

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Các khoản phải thu | Năm 2008 | Năm 2009 | 6T/2010 |
|-----|--------------------|----------|----------|---------|
|-----|--------------------|----------|----------|---------|

|                  |                                     |                |                |                |
|------------------|-------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| 1                | Phải thu của khách hàng             | 73.071         | 91.845         | 117.134        |
| 2                | Trả trước cho người bán             | 12.271         | 4.457          | 25.985         |
| 3                | Thuế được khấu trừ                  | 21.743         | 20.567         | 2.851          |
| 4                | Các khoản phải thu khác             | 6.598          | 13.089         | 8.138          |
| 5                | Dự phòng các khoản phải thu khó đòi |                | (271)          | (271)          |
| <b>Tổng cộng</b> |                                     | <b>113.684</b> | <b>129.415</b> | <b>153.837</b> |

Nguồn: VOSCO

📊 Tình hình các khoản phải trả:

Đơn vị: Triệu đồng

| Các khoản phải trả |                                     | Năm 2008         | Năm 2009         | 6T/2010          |
|--------------------|-------------------------------------|------------------|------------------|------------------|
| <b>I</b>           | <b>Nợ ngắn hạn</b>                  | <b>820.215</b>   | <b>789.565</b>   | <b>703.996</b>   |
| 1                  | Vay và nợ ngắn hạn                  | 165.008          | 294.387          | 270.270          |
| 2                  | Phải trả cho người bán              | 370.466          | 270.049          | 246.887          |
| 3                  | Người mua trả tiền trước            | 61.001           | 59.175           | 85.254           |
| 4                  | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 16.704           | 7.377            | 11.782           |
| 5                  | Phải trả người lao động             | 42.540           | 41.038           | 14.612           |
| 6                  | Các khoản phải trả, phải nộp khác   | 164.496          | 117.539          | 75.191           |
| <b>II</b>          | <b>Nợ dài hạn</b>                   | <b>2.137.021</b> | <b>2.390.215</b> | <b>2.676.761</b> |
| 1                  | Vay và nợ dài hạn                   | 2.135.687        | 2.330.372        | 2.645.461        |
| 2                  | Phải trả dài hạn người bán          |                  | 59.451           | 30.315           |
| 3                  | Phải trả dài hạn khác               | 144              | 144              | 144              |
| 4                  | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả     | 1.191            |                  |                  |
| 5                  | Dự phòng trợ cấp mất việc làm       |                  | 249              | 841              |
| <b>Tổng cộng</b>   |                                     | <b>2.957.236</b> | <b>3.179.780</b> | <b>3.440.945</b> |

Nguồn: VOSCO

## 11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Stt | Chỉ tiêu                        | Năm 2008 | Năm 2009 |
|-----|---------------------------------|----------|----------|
| 1   | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán |          |          |

|          |                                                              |          |          |
|----------|--------------------------------------------------------------|----------|----------|
|          | Hệ số thanh toán ngắn hạn TSNH/Nợ ngắn hạn (lần)             | 0,42     | 0,57     |
|          | Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn (lần) | 0,29     | 0,39     |
| <b>2</b> | <b>Hệ số cơ cấu nguồn vốn</b>                                |          |          |
|          | Hệ số nợ / Tổng tài sản (%)                                  | 66,94    | 68,6     |
|          | Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu (%)                                | 205,05   | 220,74   |
| <b>3</b> | <b>Hệ số hoạt động</b>                                       |          |          |
|          | Vòng quayHTK (Giá vốn hàng bán/HTK bq) (lần)                 | 22,23    | 12,75    |
|          | Vòng quay TS (DT thuần/Tổng tài sản) (lần)                   | 0,64     | 0,42     |
| <b>4</b> | <b>Hệ số khả năng sinh lời</b>                               |          |          |
|          | Hệ số LN sau thuế /DT (%)                                    | 10,26    | 2,71     |
|          | Hệ số LN sau thuế / Vốn chủ sở hữu (%)                       | 20,05    | 3,65     |
|          | Hệ số LN sau thuế / Tổng tài sản (%)                         | 6,54     | 1,13     |
|          | Hệ số LN gộp/ Tổng DT(%)                                     | 18,62    | 6,73     |
|          | Hệ số LN từ hoạt động SXKD /Tổng DT(%)                       | 11,98    | 3,30     |
| <b>5</b> |                                                              |          |          |
|          | Thu nhập trên mỗi cổ phần (đồng/cổ phần)                     | 2.065,2  | 375,5    |
|          | Giá trị sổ sách của cổ phần (đồng/cổ phần)                   | 10.301,5 | 10.289,5 |

Nguồn: VOSCO

- *Về khả năng thanh toán:* Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số khả năng thanh toán nhanh là chỉ số thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn trả nợ của Công ty. Năm 2008, 2009 hệ số khả năng thanh toán của Vosco tương đối thấp do đặc thù kinh doanh của Công ty với đội tàu lớn nên được các nhà cung ứng (nhiên liệu, vật tư, phụ tùng...) bán hàng trả chậm (1-3 tháng). Tuy nhiên khả năng thanh toán của Vosco luôn đảm bảo, bằng chứng là việc Công ty duy trì thanh toán đúng hạn cho các đối tác. Dù năm 2009 rất khó khăn về tài chính nhưng công ty luôn đảm bảo thanh toán các khoản nợ đầy đủ, đúng hạn, hoạt động của đội tàu do vậy kinh doanh ổn định.
- *Về cơ cấu vốn:* Phần lớn nguồn vốn hoạt động của Vosco được tài trợ từ nguồn vốn vay (trong đó nợ dài hạn chiếm 75% tổng số nợ phải trả). Công ty đã sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức tương đối lớn. Đây cũng là nét đặc trưng của các doanh nghiệp vận tải biển khi đầu tư

phát triển và trẻ hóa đội tàu. Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, Công ty vẫn luôn chú trọng phát triển và cơ cấu lại đội tàu, đón bắt cơ hội khi ngành vận tải biển phục hồi.

- *Về hệ số hoạt động:* Hiệu suất sử dụng tài sản của Vosco ở mức tương đối thấp. Tuy nhiên đây cũng đặc thù của hoạt động vận tải biển phải đầu tư lớn vào đội tàu và khoản đầu tư này được phân bổ dần trong thời gian dài (10-20 năm). Để nâng cao hiệu quả hoạt động Vosco đang chú trọng đẩy mạnh các dịch vụ trong chuỗi dịch vụ hỗ trợ vận tải biển vốn là thế mạnh của Công ty như đầu tư xây kho bãi Container, dịch vụ cung ứng tàu biển.....
- *Về hiệu quả sinh lời:* Năm 2009 là năm rất khó khăn đối với kinh doanh vận tải biển. Điều này ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của Công ty so với năm kinh doanh đỉnh cao 2008, khi mà nền kinh tế thế giới nói chung và ngành vận tải biển nói riêng tăng trưởng mạnh mẽ, thể hiện bằng việc giá cước vận tải tăng đến mức kỷ lục. Tuy nhiên để đánh giá về hiệu quả sinh lời của một doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vận tải biển cần phải nhìn nhận dưới nhiều góc độ và xét trong một thời gian dài. Đơn cử như giá trị một đội tàu theo thị trường có thể tăng 200-300% (so với thời kỳ suy thoái kinh tế năm 2009) khi thị trường vận tải biển phục hồi.

## 12. Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

### 12.1. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị

| Stt | Họ và tên        | Ngày sinh  | Số CMND   | Số cổ phần nắm giữ/đại diện sở hữu | Chức vụ      |
|-----|------------------|------------|-----------|------------------------------------|--------------|
| 1   | Vũ Hữu Chinh     | 19/11/1954 | 030630872 | 22.407.700                         | Chủ tịch     |
| 2   | Bùi Việt Hoài    | 16/3/1961  | 030154664 | 19.602.100                         | Phó Chủ tịch |
| 3   | Nguyễn Duy Nhi   | 25/12/1950 | 010014503 | 14.015.000                         | Ủy viên      |
| 4   | Đặng Thanh Quang | 12/7/1951  | 030082265 | 14.000.000                         | Ủy viên      |
| 5   | Lê Ngọc Minh     | 19/8/1950  | 023458057 | 14.033.000                         | Ủy viên      |
| 6   | Trần Trọng Phúc  | 15/6/1961  | 011757195 | 4.000.000                          | Ủy viên      |

### SƠ YẾU LÝ LỊCH

#### a. Chủ tịch HĐQT

1. Họ và tên: Vũ Hữu Chinh
2. Số CMND: 030630872 Ngày cấp: 04/11/2002 Nơi cấp: CA Hải Phòng

3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 19/11/1954
5. Nơi sinh: Thái Bình
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Thái Bình
9. Địa chỉ thường trú: Số 40, Lê Chân, Hải Phòng
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 031.3731 034
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác vận tải biển.
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt: thời gian, nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

| Thời gian          | Nơi công tác                                                                                            | Chức vụ, nghề nghiệp           |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 1978 – 1986        | Tốt nghiệp Đại học Hàng hải Ôđetxa (Liên Xô cũ), về công tác tại Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO); | Chuyên viên                    |
| 1986 – 1989:       | Phòng Kế hoạch Công ty vận tải biển Việt nam (VOSCO)                                                    | Phó trưởng phòng, Trưởng phòng |
| 1990 – 1991        | Phòng Kinh tế Đối ngoại VOSCO                                                                           | Trưởng phòng                   |
| 1991 – 1994        | Công ty liên doanh khai thác tàu VOSCO tại Thái Lan                                                     | Trưởng phòng                   |
| 1995 – 2000        | Phòng Khai thác Thương vụ VOSCO                                                                         | Trưởng phòng                   |
| 2000 – 2003        | Công ty Vận tải biển Việt nam (VOSCO)                                                                   | Phó Tổng Giám đốc              |
| 2003 – 2005        | Công ty Vận tải biển Văn Lang, trực thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;                               | Giám đốc                       |
| 2005 – T4/2007     | Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)                                                              | Phó Tổng Giám đốc              |
| T5/2007 – T12/2007 | Công ty vận tải biển Việt nam (VOSCO)                                                                   | Tổng Giám đốc                  |
| T01/2008 – T4/2009 | Công ty cổ phần vận tải biển Việt nam (VOSCO)                                                           | Phó CT HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |

|                   |                                                  |                               |
|-------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------|
| T5/2009 – đến nay | Công ty cổ phần vận tải biển Việt nam<br>(VOSCO) | Chủ tịch Hội đồng<br>Quản trị |
|-------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------|

14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty CP cảng Đoạn Xá, Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Vận tải biển Hải Âu.
16. Số cổ phần nắm giữ: 22.407.700 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 7.700 cổ phần

+ Đại diện vốn Nhà nước (Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam) : 22.400.000 cổ phần

17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

| STT | Họ và tên                      | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|-----|--------------------------------|------------------------|--------------------|
| 1   | Lê Thị Mai                     | Vợ                     | 20.000             |
| 2   | Vũ Đức Trung                   | Con                    | 30.000             |
| 3   | Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam | Ủy viên HĐQT           | 84.000.000         |

18. Các khoản nợ đối với công ty: không
19. Hành vi vi phạm pháp luật: không
20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không
21. Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

#### **b. Phó Chủ tịch HĐQT**

- Họ và tên: Bùi Việt Hoài
- Số CMND: 030154664 Ngày cấp: 22/6/2005 Nơi cấp: CA Hải Phòng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 16/3/1961
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam

7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Hải Dương
9. Địa chỉ thường trú: Số 11/44 Đường Lê Lai, Hải Phòng
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 031.3731 952
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế vận tải biển.
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt: thời gian, nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

| Thời gian          | Nơi công tác                                         | Chức vụ, nghề nghiệp             |
|--------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------|
| T5/1985 – 1989     | Phòng Kế hoạch Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) | Chuyên viên                      |
| 1989 – 1990        | Công tác trên tàu Hậu Giang, VOSCO                   | Quản trị trưởng                  |
| 1990-1995          | Phòng Khai thác VOSCO                                | Chuyên viên                      |
| 1995 - 1996        | Học tại Học viện Hàng hải Nauy                       |                                  |
| 1996 – T3/2004     | Phòng Khai thác VOSCO                                | Phó trưởng phòng, Trưởng phòng   |
| T4/2004 – T12/2007 | Công ty vận tải biển Việt nam (VOSCO)                | Phó Tổng Giám đốc                |
| T01/2008 – T4/2009 | Công ty cổ phần vận tải biển Việt nam (VOSCO)        | Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc  |
| T5/2009 – nay      | Công ty cổ phần vận tải biển Việt nam (VOSCO)        | Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc |

14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc
15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, Phó Chủ tịch HĐQT trường Cao đẳng nghề Hàng hải Vinalines.

16. Số cổ phần nắm giữ: 19.602.100 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 2.100 cổ phần

+ Đại diện vốn Nhà nước (Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam): 19.600.000 cổ phần

17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

| STT | Họ và tên | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|-----|-----------|------------------------|--------------------|
|-----|-----------|------------------------|--------------------|

|   |                   |          |        |
|---|-------------------|----------|--------|
| 1 | Lê Thị Hải Yến    | Vợ       | 45.000 |
| 2 | Bùi Lê Phước Thảo | Con      | 5.073  |
| 3 | Bùi Thị Vân Hương | Chị ruột | 1.811  |
| 4 | Bùi Hoàng Việt    | Anh ruột | 15.000 |

18. Các khoản nợ đối với công ty : không
19. Hành vi vi phạm pháp luật : không
20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không
21. Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

**c. Ủy Viên HĐQT**

1. Họ và tên: Nguyễn Duy Nhì
2. Số CMND: 010014503 Ngày cấp: 06/3/2002 Nơi cấp: CA Hà Nội
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 25/12/1950
5. Nơi sinh: Nghệ An
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Thanh Văn – Thanh Chương - Nghệ An
9. Địa chỉ thường trú: P410 – A1, Thanh Xuân Bắc, Hà Nội
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 031.3731 965
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tàu biển.
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt: thời gian, nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

| Thời gian          | Nơi công tác                             | Chức vụ, nghề nghiệp |
|--------------------|------------------------------------------|----------------------|
| T3/1973 – T11/1979 | Bộ Nội vụ (Bộ Công An)                   | Chuyên viên          |
| T12/1979 – 1984    | Học tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam |                      |

|                     |                                                  |                                   |
|---------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 1985 – T6/1997      | Công ty vận tải biển Việt nam (VOSCO)            | Chính trị viên tàu biển           |
| T7/1997 – T01/1999  | Phòng Tổ chức cán bộ Lao động VOSCO              | Phó trưởng phòng                  |
| T02/1999 -T12/2000  | Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO)            | Phó bí thư thường trực<br>Đảng ủy |
| T12/2000 – T12/2007 | Công ty vận tải biển Việt nam (VOSCO)            | Bí thư Đảng ủy                    |
| T1/2008 – nay       | Công ty cổ phần vận tải biển Việt nam<br>(VOSCO) | Ủy viên HĐQT, Bí thư<br>Đảng ủy   |

14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Ủy viên HĐQT, Bí thư Đảng ủy

15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

16. Số cổ phần nắm giữ: 14.015.000 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 15.000 cổ phần

+ Đại diện vốn Nhà nước(Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam): 14.000.000 cổ phần

17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

| STT | Họ và tên              | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|-----|------------------------|------------------------|--------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Băng Tâm    | Vợ                     | 15.000             |
| 2   | Nguyễn Thị Tâm Quỳnh   | Con gái                | 23.800             |
| 3   | Nguyễn Thị Quỳnh Trang | Con gái                | 20.000             |

18. Các khoản nợ đối với công ty : không

19. Hành vi vi phạm pháp luật : không

20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không

21. Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

**d. Ủy viên HĐQT - Ông Đặng Thanh Quang**

1. Họ và tên: Đặng Thanh Quang

2. Số CMND: 030082265 Ngày cấp: 12/6/2007 Nơi cấp: CA Hải Phòng

3. Giới tính: Nam

4. Ngày tháng năm sinh: 12/7/1951
5. Nơi sinh: Thái Lan
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Nam Định
9. Địa chỉ thường trú: B74 khu Anh Dũng 2, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, Hải Phòng
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 031.3731 944
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển.
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt: thời gian, nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

| Thời gian          | Nơi công tác                                         | Chức vụ, nghề nghiệp            |
|--------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------|
| T6/1976 – T02/1992 | Phòng Kỹ thuật Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) | Chuyên viên                     |
| T02/1992 – T6/1993 | Phòng Kỹ thuật Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) | Phó trưởng phòng                |
| T7/1993 – T6/1995  | Ban quản lý kỹ thuật, vật tư VOSCO                   | Phó ban                         |
| T7/1995 – T12/1996 | Phòng Kỹ thuật Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) | Phó trưởng phòng                |
| T12/1996 – T6/1998 | Phòng Kỹ thuật Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) | Trưởng phòng                    |
| T7/1998 – T12/2007 | Công ty vận tải biển Việt nam (VOSCO)                | Phó Tổng Giám đốc               |
| T1/2008 – nay      | Công ty cổ phần vận tải biển Việt nam (VOSCO)        | Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc |

14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
16. Số cổ phần nắm giữ: 14.000.000 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện vốn Nhà nước (Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam): 14.000.000 cổ phần

17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
18. Các khoản nợ đối với công ty: không
19. Hành vi vi phạm pháp luật: không
20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không
21. Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

**e. Ủy viên HĐQT - Ông Lê Ngọc Minh**

1. Họ và tên: Lê Ngọc Minh
2. Số CMND: 023458057 Ngày cấp: 16/12/1996 Nơi cấp: CA TP. HCM
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 19/8/1950
5. Nơi sinh: Quảng Trị
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Quảng Trị
9. Địa chỉ thường trú: Số 108, đường số 2 cư xá Đô Thành, Phường 4, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08.38293121
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tàu biển.
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt: thời gian, nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

| Thời gian      | Nơi công tác                          | Chức vụ, nghề nghiệp |
|----------------|---------------------------------------|----------------------|
| 1975 – 1988    | Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) | Thuyền viên          |
| 1988 – 1991    | Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) | Thuyền trưởng        |
| 1992 – T3/2001 | Công ty vận tải biển Việt nam (VOSCO) | Giám đốc chi nhánh   |

|                    |                                               |                                                           |
|--------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
|                    |                                               | TP. HCM                                                   |
| T4/2001 – T12/2007 | Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO)         | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP. HCM         |
| T01/2008 – nay     | Công ty cổ phần vận tải biển Việt nam (VOSCO) | UV.HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP.HCM |

14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP.HCM Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam

15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

16. Số cổ phần nắm giữ: 14.033.000 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 33.000 cổ phần

+ Đại diện vốn Nhà nước(Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam): 14.000.000 cổ phần

17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

| STT | Họ và tên      | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|-----|----------------|------------------------|--------------------|
| 1   | Phạm Thị Tương | Vợ                     | 8.000              |
| 2   | Lê Hải Long    | Con                    | 8.000              |
| 3   | Lê Hải Châu    | Con                    | 400                |

18. Các khoản nợ đối với công ty: không

19. Hành vi vi phạm pháp luật: không

20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không

21. Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

**f. Ủy viên HĐQT - Ông Trần Trọng Phúc**

1. Họ và tên: Trần Trọng Phúc

2. Số CMND: 011757195 Ngày cấp:13/3/1992 Nơi cấp: CA Hà Nội

3. Giới tính: Nam

4. Ngày tháng năm sinh: 15/6/1961

5. Nơi sinh: Hà Tĩnh
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Hà Tĩnh
9. Địa chỉ thường trú: 20 Võ Văn Dũng, Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.38262774
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt: thời gian, nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

| Thời gian          | Nơi công tác                                         | Chức vụ, nghề nghiệp                                                                              |
|--------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| T4/1987 – T3/1995  | Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam                       | Chuyên viên                                                                                       |
| T4/1995 – T9/1995  | Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam                       | Q. Trưởng phòng                                                                                   |
| T10/1995 – T9/2001 | Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam                       | Trưởng phòng                                                                                      |
| T10/2001 – T6/2004 | Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam                       | Phó Tổng giám đốc                                                                                 |
| T7/2004 – 2008     | Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam                       | Phó Tổng giám đốc<br>Tổng công ty Bảo Việt<br>Việt Nam kiêm Tổng<br>giám đốc Bảo hiểm<br>Việt Nam |
| 2008 – nay         | Tập đoàn Bảo Việt, Tổng công ty Bảo<br>hiểm Bảo Việt | Ủy viên Hội đồng quản<br>trị Tập đoàn Bảo Việt<br>kiêm Tổng giám đốc<br>Bảo hiểm Bảo Việt         |

14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Ủy viên HĐQT
15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Ủy viên Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt, Tổng giám đốc Bảo hiểm Bảo Việt
16. Số cổ phần nắm giữ: 4.000.000 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu(Tập đoàn Bảo Việt): 4.000.000 cổ phần

17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

| STT | Họ và tên         | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|-----|-------------------|------------------------|--------------------|
| 1   | Tập đoàn Bảo Việt |                        | 4.000.000          |

18. Các khoản nợ đối với công ty: không

19. Hành vi vi phạm pháp luật: không

20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không

21. Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

## 12.2. Danh sách thành viên Ban Điều hành

| Stt | Họ và tên        | Ngày sinh  | Số CMND   | Số cổ phần nắm giữ/đại diện sở hữu | Chức vụ           |
|-----|------------------|------------|-----------|------------------------------------|-------------------|
| 1   | Bùi Việt Hoài    | 16/3/1961  | 030154664 | 19.602.100                         | Tổng giám đốc     |
| 2   | Đặng Thanh Quang | 12/7/1951  | 030082265 | 14.000.000                         | Phó Tổng giám đốc |
| 3   | Lê Ngọc Minh     | 19/8/1950  | 023458057 | 14.033.000                         | Phó Tổng giám đốc |
| 4   | Lê Việt Tiến     | 03/11/1961 | 030985465 | 21.900                             | Phó Tổng giám đốc |

## SƠ YẾU LÝ LỊCH

### g. Tổng Giám đốc – Ông Bùi Việt Hoài

Như mục 12.1.b

### h. Phó Tổng Giám đốc– Ông Đặng Thanh Quang

Như mục 12.1.c

### i. Phó Tổng Giám đốc– Ông Lê Ngọc Minh

Như mục 12.1.d

### j. Phó Tổng Giám đốc – Ông Lê Việt Tiến

1. Họ và tên: Lê Việt Tiến

2. Số CMND: 030985465 Ngày cấp: 05/05/2006 Nơi cấp: CA Hải Phòng
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 03/11/1961
5. Nơi sinh: Nghĩa Thắng - Nghĩa Hưng – Nam Định
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Triệu Lễ - Triệu Hải - Quảng Trị
9. Địa chỉ thường trú: Hải Phòng
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 031.3733839
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển.
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt: thời gian, nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

| Thời gian         | Nơi công tác                                                            | Chức vụ, nghề nghiệp                                |
|-------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 05/1987 – 07/1989 | Trường Đại học Hàng Hải – Hải Phòng                                     | Giáo viên                                           |
| 08/1989 – 12/1993 | Phòng Tổ chức cán bộ Công ty vận tải biển Việt nam (VOSCO)              | Chuyên viên                                         |
| 01/1994 – 04/1997 | Phòng Khai thác thương vụ VOSCO                                         | Chuyên viên                                         |
| 05/1997- 09/1998  | Phòng Khai thác thương vụ VOSCO<br>- VOSCO Bangkok-Thái Lan             | Phó phòng, kiêm đại diện VOSCO tại Bangkok-Thái Lan |
| 10/1998-09/2004   | Phòng Khai thác thương vụ VOSCO                                         | Phó phòng                                           |
| 10/2004 – 12/2007 | Phòng Khai thác thương vụ VOSCO                                         | Trưởng phòng                                        |
| 01/2008 – 04/2009 | Phòng Khai thác thương vụ Công ty cổ phần vận tải biển Việt nam (VOSCO) | Trưởng phòng                                        |
| 05/2009 đến nay   | Công ty cổ phần vận tải biển Việt nam (VOSCO)                           | Phó Tổng Giám đốc                                   |

14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng Giám đốc
15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần

SSV.

16. Số cổ phần nắm giữ: 21.900 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 21.900 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

| STT | Họ và tên       | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|-----|-----------------|------------------------|--------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Thủy | Vợ                     | 20.000             |

18. Các khoản nợ đối với công ty : không

19. Hành vi vi phạm pháp luật : không

20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không

21. Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

**12.3. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát:**

| Stt | Họ và tên        | Ngày sinh  | Số CMND   | Số cổ phần nắm giữ/đại diện sở hữu | Chức vụ    |
|-----|------------------|------------|-----------|------------------------------------|------------|
| 1   | Châu Quang Khải  | 26/10/1951 | 030197969 | 10.000                             | Trưởng ban |
| 2   | Đặng Hồng Trường | 18/9/1973  | 030885071 | 1.000                              | Ủy viên    |
| 3   | Lê Anh Sơn       | 15/3/1971  | 011706145 | 0                                  | Ủy viên    |

**SƠ YẾU LÝ LỊCH****a. Trưởng Ban Kiểm soát – Ông Châu Quang Khải**

- Họ và tên: Châu Quang Khải
- Số CMND: 030197969 Ngày cấp: 09/4/2007 Nơi cấp: CA Hải Phòng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/10/1951
- Nơi sinh: Quảng Ninh

6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Quảng Ninh
9. Địa chỉ thường trú: Số 01/72 Nguyễn Công Trứ, Hải Phòng
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 031.3731037
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế vận tải biển
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt: thời gian, nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

| Thời gian           | Nơi công tác                                           | Chức vụ, nghề nghiệp                     |
|---------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| T4/1970 – 11/1973   | Bộ đội chiến đấu tại Miền Nam, Việt Nam                |                                          |
| 12/1973 – T10/1978  | Sinh viên Trường Đại học Giao thông đường thủy         |                                          |
| T11/1978 – T10/1982 | Phòng Lao động Tiền lương Tổng cục đường biển          | Chuyên viên                              |
| T11/1982 – T01/1984 | Phòng Lao động Tiền lương Công ty VTB Việt Nam (VOSCO) | Chuyên viên                              |
| 02/1984 – T4/1996   | Phòng Lao động Tiền lương Công ty VTB Việt Nam (VOSCO) | Phó trưởng phòng, Trưởng phòng           |
| T5/1996 – T7/2005   | Đại lý giao nhận vận tải đa phương thức, VOSCO         | Giám đốc                                 |
| T8/2005 – T6/2007   | Phòng Tổng hợp, Lao động Tiền lương VOSCO              | Trưởng phòng                             |
| T7/2007 – T12/2007  | Công ty VTB Việt Nam                                   | Chủ tịch Công đoàn                       |
| T01/2008 – nay      | Công ty cổ phần VTB Việt Nam                           | Trưởng Ban kiểm soát, Chủ tịch Công đoàn |

14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Trưởng Ban kiểm soát, Chủ tịch Công đoàn
15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
16. Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
18. Các khoản nợ đối với công ty: không
19. Hành vi vi phạm pháp luật: không
20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không
21. Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

**b. Thành viên Ban Kiểm soát – Ông Đặng Hồng Trường**

1. Họ và tên: Đặng Hồng Trường
2. Số CMND: 030885071 Ngày cấp: 04/11/2007 Nơi cấp: CA Hải Phòng
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 18/9/1973
5. Nơi sinh: Hải Phòng
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Hà Nội (Hà Tây cũ)
9. Địa chỉ thường trú: Số 20/14/125 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 031.3731033
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế vận tải biển
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt: thời gian, nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

| Thời gian          | Nơi công tác                                                  | Chức vụ, nghề nghiệp |
|--------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------|
| T09/1995 – T5/2000 | Phòng Tài chính kế toán Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) | Chuyên viên          |
| T6/2000 – T4/2001  | Công ty VTB Hải Âu                                            | Kế toán trưởng       |
| T5/2001 – T9/2007  | Phòng Tài chính Kế toán, VOSCO                                | Phó Trưởng phòng     |

|                     |                                               |                                                            |
|---------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| T10/2007 – T12/2007 | Phòng Kế hoạch Đầu tư, Công ty VTB Việt Nam   | Phó Trưởng phòng                                           |
| T01/2008 – T12/2009 | Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) | Thành viên Ban kiểm soát, Phó Trưởng Phòng Kế hoạch Đầu tư |
| T01/2010 - nay      | Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) | Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Phòng Kế hoạch Đầu tư     |

14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty CP VTB Việt Nam

15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP VTB Hải Âu

16. Số cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

| STT | Họ và tên        | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|-----|------------------|------------------------|--------------------|
| 1   | Đặng Hồng Nam    | Anh ruột               | 5.000              |
| 2   | Đinh Thị Mai Anh | Vợ                     | 1.414              |

18. Các khoản nợ đối với công ty: không

19. Hành vi vi phạm pháp luật: không

20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không

21. Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

**c. Thành viên Ban Kiểm soát - Ông Lê Anh Sơn**

1. Họ và tên: Lê Anh Sơn

2. Số CMND: 011706145 Ngày cấp: 10/8/2006 Nơi cấp: CA Hà Nội

3. Giới tính: Nam

3. Ngày tháng năm sinh: 15/3/1971
4. Nơi sinh: Hà Nội (Hà Tây cũ)
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Dân tộc: Kinh
7. Quê quán: Hà Nội (Hà Tây cũ)
8. Địa chỉ thường trú: Số D9, Tổ 101 Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Hà Nội
9. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.35770830
10. Trình độ văn hoá: 12/12
11. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính, tiền tệ, ngân hàng
12. Quá trình công tác (*nêu tóm tắt: thời gian, nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua*):

| Thời gian          | Nơi công tác                                           | Chức vụ, nghề nghiệp                                                                                                         |
|--------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1993 - 1994        | Công ty cổ phần Đại lý liên hiệp vận chuyển (Gemadept) | Chuyên viên                                                                                                                  |
| Từ năm 1994 - 1998 | Công ty Serta, (Massy Palaiseux, Pháp)                 | Trợ lý thương mại tài chính                                                                                                  |
| 2000 – T7/2009     | Tổng công ty Hàng hải Việt Nam                         | Phó Phòng Tổ chức<br>Ban Tổ chức Tiền lương; Phó Ban Quản lý vốn góp; Giám đốc Công ty Tư vấn Hàng hải; Trưởng Ban Tài chính |
| Từ T8/2009 – nay   | Tổng công ty Hàng hải Việt Nam                         | Phó Tổng giám đốc                                                                                                            |

13. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Ban kiểm soát.
14. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
15. Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
  - Trong đó:*
    - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
    - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

16. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

| STT | Họ và tên                      | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|-----|--------------------------------|------------------------|--------------------|
| 1   | Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam | Phó Tổng Giám đốc      | 84.000.000         |

17. Các khoản nợ đối với công ty: Không có

18. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

19. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

20. Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

#### 12.4. Kế toán trưởng:

| Stt | Họ và tên            | Ngày sinh | Số CMND   | Số cổ phần nắm giữ/đại diện sở hữu | Chức vụ        |
|-----|----------------------|-----------|-----------|------------------------------------|----------------|
| 1   | Nguyễn Thị Ánh Tuyết | 10/4/1958 | 011129252 | 5.000                              | Kế toán trưởng |

## SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Ánh Tuyết
2. Số CMND: 011129252 Ngày cấp: 05/10/1981 Nơi cấp: CA Hà Nội
3. Giới tính: Nữ
4. Ngày tháng năm sinh: 10/04/1958
5. Nơi sinh: Hải Phòng
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: My Đông – Ngũ Lão – Thủy Nguyên – Hải Phòng
9. Địa chỉ thường trú: Số 14/15 Nguyễn Công Trứ, Lê Chân, Hải Phòng
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 031.3731946
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán
13. Quá trình công tác (*nêu tóm tắt: thời gian, nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua*):

| Thời gian         | Nơi công tác                                                            | Chức vụ, nghề nghiệp |
|-------------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 04/1982 – 01/1997 | Nhà máy đóng tàu Sông Cấm – Hải Phòng                                   | Kế toán              |
| 02/1997 – 01/1998 | Phòng Tài chính Kế toán - Công ty vận tải biển Việt nam (VOSCO)         | Kế toán              |
| 02/1998 – 04/2001 | Phòng Tài chính Kế toán VOSCO                                           | Phó phòng            |
| 05/2001 – 03/2004 | Phòng Tài chính Kế toán VOSCO                                           | Trưởng phòng         |
| 04/2004 – 12/2007 | Phòng Tài chính Kế toán VOSCO                                           | Kế toán trưởng       |
| 01/2008 đến nay   | Phòng Tài chính Kế toán - Công ty cổ phần vận tải biển Việt nam (VOSCO) | Kế toán trưởng       |

14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Kế toán trưởng
15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
16. Số cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần

*Trong đó:* + Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
18. Các khoản nợ đối với công ty: không
19. Hành vi vi phạm pháp luật: không
20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không
21. Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

### 13. Tài sản

**Giá trị tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2010:**

Đơn vị: triệu đồng

| Stt | Khoản mục                      | Nguyên giá       | Giá trị còn lại  | GTCL/NG (%) |
|-----|--------------------------------|------------------|------------------|-------------|
| 1   | Nhà cửa vật kiến trúc          | 27.276           | 18.392           | 67,43%      |
| 2   | Máy móc thiết bị               | 92.342           | 81.344           | 88,09%      |
| 3   | Phương tiện vận tải truyền dẫn | 6.699.440        | 3.875.605        | 57,85%      |
| 4   | Thiết bị dụng cụ, quản lý      | 10.100           | 3.421            | 33,87%      |
| 5   | Cây lâu năm                    | 62               | 36               | 58,06%      |
|     | <b>Tổng cộng</b>               | <b>6.829.220</b> | <b>3.978.799</b> |             |

Nguồn: VOSCO

**Giá trị tài sản cố định vô hình theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2010:**

Đơn vị: triệu đồng

| Stt | Khoản mục            | Nguyên giá   | Giá trị còn lại | GTCL/NG (%) |
|-----|----------------------|--------------|-----------------|-------------|
| 1   | Quyền sử dụng đất    | 4.272        | 4.272           | 100         |
| 2   | Tài sản vô hình khác | 107          | 49              | 46          |
|     | <b>Tổng cộng</b>     | <b>4.379</b> | <b>4.321</b>    |             |

Nguồn: VOSCO

✓ **Quyền sử dụng đất**

| TT | Địa chỉ                                    | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Số Giấy chứng nhận        | Thời gian sử dụng  |
|----|--------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|--------------------|
| 1  | 215 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng        | 18.980,6                    | AO 892006                 | 40 năm (1999-2039) |
| 2  | Bãi Chùa Vẽ, Ngô Quyền, Hải Phòng          | 7.587,3                     | AO 892006                 | 40 năm (1999-2039) |
| 3  | Hòn Gai, Quảng Ninh                        | 227,8                       | BA 294311                 | 50 năm (1993-2043) |
| 4  | Số 22 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội          | 95,5                        | 00804/QSD                 | Lâu dài            |
| 5  | 225 Trần Phú, Hải Châu, Đà Nẵng            | 177                         | AK-280121                 | Lâu dài            |
| 6  | Số 17, đường Biệt thự - Tp. Nha Trang      | 291,9                       | AP 769993                 | 40 năm (2009-2049) |
| 7  | Số 212 Đồng Đa, Quy Nhơn                   | 145                         | 3647/CNSH                 | Lâu dài            |
| 8  | Số 9 Hàm Nghi, Quận 1, Tp.HCM              | 47,9                        | 575/GP-MB7                | Lâu dài            |
| 9  | Số 69 Hàm Nghi, Quận 1, Tp.HCM             | 83,07                       | 1637/GP-CS                | Lâu dài            |
| 10 | Số 110 Hạ Long, Tp. Vũng Tàu               | 181,1                       | AN849993                  | Lâu dài            |
| 11 | Bình Thủy, Tp. Cần Thơ                     | 194,23                      | 00273/QSDĐ                | 50 năm             |
| 12 | Số 189 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng | 50,3                        | Đang làm thủ tục sang tên | Lâu dài            |

✓ **Bất động sản**

| TT | Loại tài sản                            | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Số Giấy chứng nhận         | Ghi chú                           |
|----|-----------------------------------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------------------------|
| 1  | Nhà, số 9 Hàm Nghi, Quận 1, Tp.HCM      | 159,8                       | 241/2008/GCN-QSHCTXD       |                                   |
| 2  | Nhà, số 69 Hàm Nghi, Quận 1, Tp.HCM     | 406,7                       | 143/2009/6CN-QSHCTXD       |                                   |
| 3  | Nhà số 122 Nguyễn Tất Thành, Q4, Tp.HCM | 416                         | Đang làm thủ tục sang tên  |                                   |
| 4  | Nhà số 160 Hạ Long, Tp. Vũng Tàu        | 136,7                       | 03/2009                    |                                   |
| 5  | Phường Trường Thọ, Thủ Đức, Tp. HCM     | 7,000                       | Đất thuê làm bãi container | hết hạn 4/2011, gia hạn 2 năm/lần |
| 6  | Nhà số 15 Cù Chính Lan, Hải Phòng       | 629,21                      | Nhà thuê của Nhà nước      |                                   |

#### 14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 – 2012

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức được xây dựng căn cứ vào định hướng chiến lược và kế hoạch sản

xuất kinh doanh trong các năm tới của Công ty.

| STT | Chỉ tiêu                                  | Năm 2009  | Năm 2010  |                               | Năm 2011  |                               | Năm 2012  |                               |
|-----|-------------------------------------------|-----------|-----------|-------------------------------|-----------|-------------------------------|-----------|-------------------------------|
|     |                                           | Giá trị   | Giá trị   | % tăng (giảm) so với năm 2009 | Giá trị   | % tăng (giảm) so với năm 2010 | Giá trị   | % tăng (giảm) so với năm 2011 |
| 1   | Vốn điều lệ (triệu đồng)                  | 1.400.000 | 1.400.000 | 0%                            | 1.400.000 | 0%                            | 1.400.000 | 0%                            |
| 2   | Tổng Doanh thu (triệu đồng)               | 2.080.060 | 2.419.000 | 16,29%                        | 2.911.000 | 20,34%                        | 3.451.000 | 18,55%                        |
| 4   | Tổng chi phí                              | 2.016.114 | 2.312.000 | 14,68%                        | 2.701.000 | 16,83%                        | 3.201.000 | 18,51%                        |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)         | 63.946    | 107.000   | 67,33%                        | 210.000   | 96,26%                        | 250.000   | 19,05%                        |
| 6   | Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng Doanh thu | 3,07%     | 4,42%     | 43,88%                        | 7,21%     | 63,00%                        | 7,25%     | 0,55%                         |
| 7   | Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)           | 52.576    | 80.000    | 52,16%                        | 157.000   | 96,25%                        | 187.000   | 19,11%                        |
| 8   | Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ      | 3,76%     | 5,71%     | 52,05%                        | 11,21%    | 96,32%                        | 13,36%    | 19,18%                        |
| 9   | Tỷ lệ cổ tức/VĐL                          |           | 5,0%      |                               | 10,0%     |                               | 12,0%     |                               |

Nguồn: VOSCO

Công ty xây dựng kế hoạch năm 2010 trên cơ sở dự đoán kinh tế thế giới sẽ hồi phục ở mức thấp. Thị trường vận tải biển theo đó cũng sẽ dần có sự phục hồi. Trên thực tế thị trường vận tải biển đã phục hồi khá tốt, đặc biệt là thị trường tàu hàng khô. Chỉ số tàu hàng khô (BDI) trong quý I/2010 thường xuyên ở mức trên 3000 điểm, gấp hơn 3,5 lần so với thời điểm thấp cùng kỳ năm 2009. Kết quả kinh doanh của Công ty trong quý I/2010 đạt mức khả quan. Doanh thu vận tải đạt 587,26 tỷ đồng, tăng 45% so với cùng kỳ năm 2009. Tổng lãi trước thuế đạt 13 tỷ đồng.

Với kết quả kinh doanh khả quan của quý 1 và tình hình thị trường vận tải biển diễn biến thuận lợi, dự kiến kết quả năm 2010 sẽ đạt hoặc vượt mức kế hoạch đề ra.

Kế hoạch năm 2011 – 2012 được công ty xây dựng trên cơ sở dự đoán kinh tế thế giới sẽ tiếp tục hồi phục, kéo theo sự phục hồi của thị trường vận tải biển, đồng thời căn cứ vào kế hoạch đầu tư phát triển đội tàu đến năm 2012, cụ thể: Năm 2011 sẽ bán 01 tàu cũ trọng tải 6.500 DWT, mua 01 tàu hàng khô cỡ 50.000 DWT và 01 tàu chở dầu sản phẩm cỡ 50.000 DWT; năm 2012 bán 01 tàu cũ trọng tải 6.500 DWT, đóng mới 01 tàu hàng khô cỡ 50.000 DWT, mua 01 tàu chở dầu thô cỡ 100.000 DWT và 01 tàu container cỡ 1.000 TEU.

#### **15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Vosco. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư

#### **16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết**

Không có

#### **17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu niêm yết**

Không có

### **V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

- 1. Loại chứng khoán : Cổ phần phổ thông**
- 2. Mệnh giá : 10.000 đồng**
- 3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 140.000.000 cổ phần**
- 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết**
  - Các cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được thành lập (01/01/2008) theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
  - Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Kế toán trưởng cam kết nắm giữ 100% cổ phần do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phần trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

| STT        | TÊN NGƯỜI SỞ HỮU<br>CHỨNG KHOÁN     | TỔNG SỐ<br>LƯỢNG SỞ<br>HỮU | CỔ PHIẾU HẠN CHẾ ĐẾN TỪNG THỜI ĐIỂM     |                              |                   |
|------------|-------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------|------------------------------|-------------------|
|            |                                     |                            | HẠN CHẾ<br>THEO ND<br>14/2007/NĐ-<br>CP | HẠN CHẾ<br>ĐẾN<br>31/12/2010 | TỔNG CỘNG         |
|            |                                     |                            | (1)                                     | (2)                          |                   |
| <b>I</b>   | <b>CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP</b>             |                            |                                         |                              |                   |
| 1          | Tổng Công ty Hàng<br>hải Việt Nam   | 84.000.000                 |                                         | 84.000.000                   | 84.000.000        |
| a          | Ông Vũ Hữu Chinh                    | 22.400.000                 |                                         | 22.400.000                   | 22.400.000        |
| b          | Ông Bùi Việt Hoài                   | 19.600.000                 |                                         | 19.600.000                   | 19.600.000        |
| c          | Ông Nguyễn Duy Nhì                  | 14.000.000                 |                                         | 14.000.000                   | 14.000.000        |
| d          | Ông Đặng Thanh<br>Quang             | 14.000.000                 |                                         | 14.000.000                   | 14.000.000        |
| e          | Ông Lê Ngọc Minh                    | 14.000.000                 |                                         | 14.000.000                   | 14.000.000        |
| 2          | Tập đoàn Bảo Việt                   | 4.000.000                  |                                         | 4.000.000                    | 4.000.000         |
| 3          | Tổng Công ty Lương<br>thực miền Nam | 2.900.000                  |                                         | 2.900.000                    | 2.900.000         |
|            | <b>CỘNG (Cổ đồng sáng lập)</b>      | <b>90.900.000</b>          |                                         | <b>90.900.000</b>            | <b>90.900.000</b> |
|            | <b>TỶ LỆ NẪM GIỮ (%)</b>            | <b>64,93%</b>              |                                         | <b>64,93%</b>                | <b>64,93%</b>     |
| <b>II</b>  | <b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>            |                            |                                         |                              |                   |
| 1          | Vũ Hữu Chinh                        | 7.700                      | 7.700                                   |                              | 7.700             |
| 2          | Bùi Việt Hoài                       | 2.100                      | 2.100                                   |                              | 2.100             |
| 3          | Nguyễn Duy Nhì                      | 15.000                     | 15.000                                  |                              | 15.000            |
| 4          | Đặng Thanh Quang                    | 0                          | 0                                       |                              | 0                 |
| 5          | Lê Ngọc Minh                        | 33.000                     | 33.000                                  |                              | 33.000            |
| 6          | Trần Trọng Phúc                     | 4.000.000                  | 4.000.000                               |                              | 4.000.000         |
|            | <b>CỘNG (HĐQT)</b>                  | <b>4.057.800</b>           | <b>4.057.800</b>                        |                              | <b>4.057.800</b>  |
|            | <b>TỶ LỆ NẪM GIỮ (%)</b>            | <b>0,041%</b>              | <b>0,041%</b>                           |                              | <b>0,041%</b>     |
| <b>III</b> | <b>BAN ĐIỀU HÀNH</b>                |                            |                                         |                              |                   |

| STT              | TÊN NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN | TỔNG SỐ LƯỢNG SỞ HỮU | CỔ PHIẾU HẠN CHẾ ĐẾN TỪNG THỜI ĐIỂM |                        |                   |
|------------------|------------------------------|----------------------|-------------------------------------|------------------------|-------------------|
|                  |                              |                      | HẠN CHẾ THEO ND 14/2007/NĐ-CP       | HẠN CHẾ ĐẾN 31/12/2010 | TỔNG CỘNG         |
| 1                | Lê Việt Tiến                 | 21.900               | 21.900                              |                        | 21.900            |
|                  | <b>CỘNG (BDH)</b>            | <b>21.900</b>        | <b>21.900</b>                       |                        | <b>21.900</b>     |
|                  | <b>TỶ LỆ NẪM GIỮ (%)</b>     | <b>0,016%</b>        | <b>0,016%</b>                       |                        | <b>0,016%</b>     |
| <b>IV</b>        | <b>BAN KIỂM SOÁT</b>         |                      |                                     |                        |                   |
| 1                | Châu Quang Khải              | 10.000               | 10.000                              |                        | 10.000            |
| 2                | Đặng Hồng Trường             | 1.000                | 1.000                               |                        | 1.000             |
| 3                | Lê Anh Sơn                   | 0                    | 0                                   |                        | 0                 |
|                  | <b>CỘNG (BKS)</b>            | <b>11.000</b>        | <b>11.000</b>                       |                        | <b>11.000</b>     |
|                  | <b>TỶ LỆ NẪM GIỮ (%)</b>     | <b>0, 008%</b>       | <b>0, 008%</b>                      |                        | <b>0, 008%</b>    |
| <b>V</b>         | <b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>        |                      |                                     |                        |                   |
|                  | Nguyễn Thị Ánh Tuyết         | 5.000                | 5.000                               |                        | 5.000             |
|                  | <b>CỘNG (KTT)</b>            | <b>5.000</b>         | <b>5.000</b>                        |                        | <b>5.000</b>      |
|                  | <b>TỶ LỆ NẪM GIỮ (%)</b>     | <b>0,0036%</b>       | <b>0,0036%</b>                      |                        | <b>0,0036%</b>    |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                              | <b>90.995.700</b>    | <b>4.095.700</b>                    | <b>90.900.000</b>      | <b>90.995.700</b> |

(1): Thành viên HĐQT, BKS, BDH và KTT cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu trong thời hạn 6 tháng tiếp theo.

(2): Cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 3 năm kể từ ngày Công ty được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

## 5. Phương pháp tính giá

Để xác định giá trị cổ phiếu của doanh nghiệp, các chuyên gia tài chính thường sử dụng phương pháp phân tích so sánh ngang với các Công ty đại chúng khác, với những sự điều chỉnh thích hợp (phương pháp thị trường). Các chỉ tiêu so sánh bao gồm chỉ số giá trên giá trị sổ sách (P/B) và chỉ số giá trên thu nhập (P/E).

Phương pháp phân tích so sánh ngang với các Công ty khác làm nổi bật lên kết quả hoạt động và giá trị tiềm năng của các công ty trong ngành. Phương pháp này được các nhà đầu tư sử dụng rộng rãi. Chỉ số P/B và chỉ số P/E thường được tham khảo là chỉ số bình quân của các

doanh nghiệp trong ngành. Các bước cơ bản để xác định giá cổ phiếu theo phương pháp so sánh như sau:

- Bước 1: Lựa chọn hệ số nhân giá trị (P/E, P/B).
- Bước 2: Lựa chọn và tính hệ số nhân giá trị của các công ty so sánh, từ đó đưa ra hệ số nhân giá trị cho công ty cần định giá.
- Bước 3: Tính thu nhập trên mỗi cổ phiếu hoặc giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (tùy theo từng hệ số nhân giá trị lựa chọn) và kết hợp với hệ số nhân giá trị đã xác định cho công ty cần định giá để tính giá trị cổ phiếu cho công ty cần định giá.

#### **Các giả thiết:**

- **Công ty so sánh:** chúng tôi đã tiến hành đánh giá và so sánh các điểm mạnh, điểm yếu, các cơ hội và nguy cơ trong hoạt động kinh doanh của Công ty với các doanh nghiệp cùng ngành khác hiện đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các Sở Giao dịch Chứng khoán của một số nước trong khu vực Đông Nam Á như Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Philippines với các tiêu chí lựa chọn như sau:

- + Là các Công ty hoạt động kinh doanh cùng ngành nghề vận tải biển và tương tự Vosco.
- + Có quy mô và hiệu quả hoạt động tương tự Vosco.

- **Hệ số nhân giá trị:** Hệ số nhân giá trị được lựa chọn là chỉ số P/E và P/B.

+ P/E: Là chỉ số Giá cổ phiếu/Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS). Giá cổ phiếu là giá tại thời điểm khảo sát của các Công ty so sánh lựa chọn theo tiêu chí nêu trên. Thu nhập trên mỗi cổ phiếu được tính bằng thu nhập của bốn quý gần nhất.

+ P/B: Là chỉ số Giá cổ phiếu/Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu. Giá cổ phiếu là giá tại thời điểm khảo sát của các Công ty so sánh lựa chọn theo tiêu chí nêu trên. Giá trị sổ sách là giá trị sổ sách tại thời điểm gần nhất với thời điểm niêm yết.

#### **6. Giá giao dịch dự kiến**

Để đưa ra mức giá tham chiếu cho ngày giao dịch đầu tiên chính xác, phản ánh được giá trị thực của cổ phiếu Vosco và những biến động của thị trường chứng khoán tại thời điểm niêm yết, Hội đồng quản trị sẽ thông qua mức giá chào sàn và sẽ đăng ký với Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh vào thời điểm thích hợp trước ngày giao dịch chính thức.

## **7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài**

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài.

Khi Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài giới hạn tối đa là 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

## **8. Các loại thuế có liên quan**

- Thuế GTGT: Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo các quy định của pháp luật về thuế GTGT hiện hành. Các dịch vụ của VOSCO được hưởng các ưu đãi về thuế GTGT như sau: Mức thuế suất 0% đối với vận tải biển chạy tuyến quốc tế, mức thuế suất 10% đối với vận tải chạy tuyến nội địa và các chi nhánh làm dịch vụ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.
- Thuế khác: Các loại thuế khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định pháp luật về thuế của Việt nam.

## VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.

### 1. Tổ chức tư vấn

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3928 8080 Fax: (84-4) 3928 9888

Chi nhánh: Số 6 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 3914 6888 Fax: (84-8) 3914 7999

Website : [www.bvsc.com.vn](http://www.bvsc.com.vn)

### 2. Tổ chức kiểm toán.

#### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 38272 295 Fax: (84-8) 38272 300

Website: [www.auditconsult.com.vn](http://www.auditconsult.com.vn)

## VI. PHỤ LỤC.

- Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Phụ lục II:** Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết;
- Phụ lục III:** Báo cáo kiểm toán 2008,2009, Báo cáo Tài chính Quý I/2010, Báo cáo Tài chính Quý II/2010, Báo cáo soát xét Quý II/2010;
- Các phụ lục khác:** Nghị quyết HĐQT số 21/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 05 năm 2010 cam kết về việc sửa đổi Điều lệ; Công văn số 353/2010/KT4/CVKH ngày 03/06/2010 xác nhận nội dung và số liệu giải trình báo cáo kiểm toán 2008 và 2009; Công văn số 398/VOSCO-TCKT ngày 02/06/2010 về việc giải trình báo cáo kiểm toán năm 2008-2009.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 08 năm 2010

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG  
QUẢN TRỊ**



**VŨ HỮU CHINH**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**BÙI VIỆT HOÀI**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



**CHÂU QUANG KHẢI**

**KÊ TOÁN TRƯỞNG**



**NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NHŨ ĐÌNH HÒA**